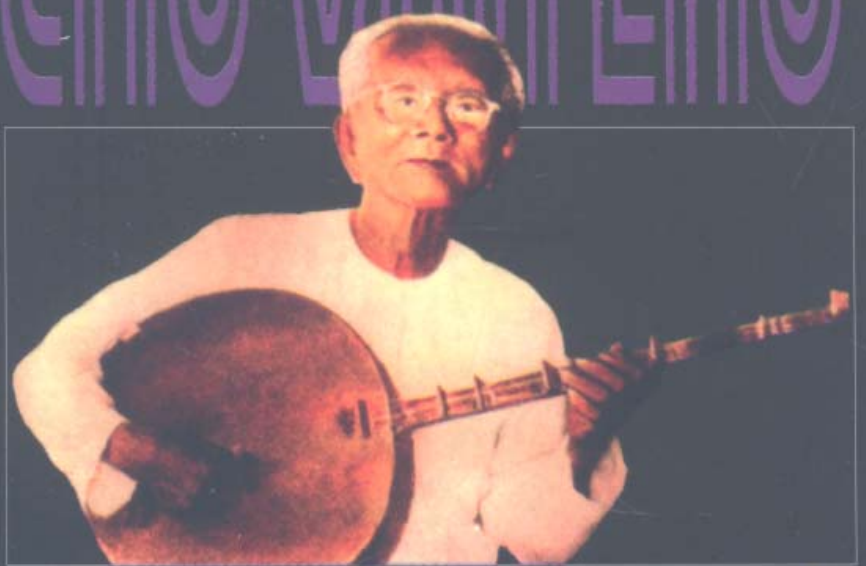
NHIỀU TÁC GIẢ

CAO VĂN LẦU



NHÂN VẬT LỊCH SỬ VĂN HÓA VIỆT NAM

SỞ THƯƠNG MẠI - DU LỊCH BẠC LIÊU

CAO VĂN LẦU
NHÂN VẬT LỊCH SỬ VĂN HÓA VIỆT NAM

SỞ THƯƠNG MẠI - DU LỊCH BẠC LIÊU

Lời nói đầu

Tập sách ***"Cao Văn Lầu - nhân vật lịch sử văn hóa Việt Nam"*** được tập hợp những suy nghĩ, những tìm tòi, nghiên cứu của giới văn nghệ sĩ *(nhà thơ, nhà văn soạn giả, cải lương các nghệ sĩ nhân dân, nghệ sĩ ưu tú, những người nghiên cứu âm nhạc dân tộc và sân khấu...)* đối với ông Cao Văn Lầu, đối với bản Dạ cổ hoài lang đã được phát triển ngót 80 năm qua.

Thể theo yêu cầu của đông đảo đồng bào trong và ngoài tỉnh, Sở Thương mại - Du lịch cùng với Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh Bạc Liêu xuất bản tập sách hầu cung cấp tài liệu cho bạn đọc hiểu thêm về đời

sống văn hóa dân tộc của tỉnh nhà, đặc biệt là khách du lịch khi đến Bạc Liêu có được tập sách giới thiệu về nhạc sĩ Cao Văn Lầu - người sáng tác ra bản Dạ cổ hoài lang.

Hy vọng rằng, qua tập sách ***"Cao Văn Lầu - nhân vật lịch sử văn hóa Việt Nam"***, độc giả sẽ thu lượm được nhiều điều bổ ích. Tuy nhiên, đây là lần xuất bản đầu tiên nên chắc chắn không tránh khỏi thiếu sót, mong độc giả thông cảm và đóng góp ý kiến để lần xuất bản sau được hoàn chỉnh hơn.

BAN BIÊN TẬP

Tiểu sử
Ông CAO VĂN LẦU
tác giả bản
Dạ cổ hoài lang

Ông Cao Văn Lầu sinh ngày 4 tháng 11 năm Nhâm Thìn, tức là ngày 22 tháng 12 năm 1892, tại làng Chí Mỹ, nay sáp nhập với làng Thuận Lễ thành xã Thuận Mỹ, huyện Vàm Cỏ, tỉnh Long An, quê hương đầu đời của ông. Ông mất ngày 13 tháng 8 năm 1976 tại thị xã Bạc Liêu, quê hương trọn đời của ông.

Cha của ông là ông Cao Văn Giỏi, một bần nông, tá điền, sống bằng nghề làm ruộng cho địa chủ, nhưng có làm Hương nhạc, làm thầy tuồng, làm ông chủ của gánh hát bội. Anh ruột Cao Văn Lầu - Cao Hiền Đệ

giỏi thổi kèn và đánh trống nhạc lễ, hai em trai ruột Cao Văn Lầu - Cao Văn Mẫn, thạo đàn kìm - Cao Văn Sáng, sành sỏi đàn tam.

Lúc Cao Văn Lầu lên bốn (1896), gia đình ông Giỏi rời Long An xuống Trà Phiên (rừng U Minh) tha phương cầu thực. Nơi đây gia đình ông vừa làm mướn để sinh sống, vừa khai phá được bốn mươi công đất rừng để cấy lúa. Kết quả của hai năm rưỡi lao động cật lực này đã bị giai cấp địa chủ, được sự ủng hộ của thực dân Pháp thống trị, cướp giật. Gia đình ông Giỏi lại phiêu bạt đó đây, cuối cùng về định cư tại rạch Ông Bổn (nay là phường 2, thị xã Bạc Liêu).

Định cư tại thị xã Bạc Liêu năm 1901 (Cao Văn Lầu lên chín), Cao Văn Lầu vào chùa Vĩnh Phước làm chú tiểu, học chữ Nho và kinh Phật, sau ba năm Cao Văn Lầu đi học chữ Quốc ngữ bốn năm tại trường tỉnh Bạc Liêu. Mười sáu tuổi, Cao Văn Lầu thôi học chữ, về nhà vừa làm mướn để sinh sống, vừa đi học nhạc với ông Nhạc Khị, một nhạc sư tài danh ở Bạc Liêu thời ấy.

Là một học sinh xuất sắc, sau bốn năm học, Cao Văn Lầu được thầy trao cho quyền chỉ huy điều khiển

dàn nhạc lễ của thầy.

Do yêu cầu thưởng thức của đông đảo bà con, Cao Văn Lầu tập hợp bạn bè thành lập và chỉ đạo ban nhạc tài tử gồm nhiều người đàn giỏi, ca hay của Bạc Liêu thời ấy. Trong ban nhạc tài tử, Cao Văn Lầu đàn tranh, đàn cò, đàn kìm và đạp nhịp song lang.

Năm 1915, cha mẹ ông cưới vợ cho ông ở tuổi 23. Sống chung nhau ba năm, vợ ông không sinh con nối dõi, mẹ ông - phát ngôn nhân đáng thương của luật lệ phong kiến - buộc vợ ông phải lìa bỏ ông trở về sống bên gia đình vợ, để bà sẽ lo cưới cho ông người vợ khác.

Cuối năm 1918, Cao Văn Lầu sáng tác bản Dạ cổ hoài lang và phổ biến nó đầu năm 1919.

Sau bản Dạ cổ hoài lang, Cao Văn Lầu còn sáng tác thêm bản Giọt mưa đêm, không được phổ biến như bản Dạ cổ hoài lang trước đó.

Tác giả bài
Dạ cổ hoài lang

TRẦN ẤM

Ở thị xã Bạc Liêu, có một đường phố mới mang tên Cao Văn Lầu. Tại đường phố này, có số nhà 7/31, thuộc phường 2, chính là ngôi nhà thờ Cao Văn Lầu.

Cũng tại thị xã Bạc Liêu, đã diễn ra nhiều cuộc hội thảo, tham quan ngôi nhà và hiện nay, hàng ngày có nhiều người, đặc biệt là giới nghệ sĩ cải lương ở Nam bộ tới thắp nhang tưởng nhớ tác giả bài ca Dạ cổ hoài lang. Vì chính nhờ bài ca này mà họ đã trở thành những nghệ sĩ tài danh như Út Trà Ôn, Bạch Tuyết, Thanh Nga, Thanh Sang...

Ông Cao Văn Lầu, tức Sáu Lầu, là tác giả bài Dạ cổ hoài lang - một bài ca đã xuyên suốt thế kỷ XX và

chắc chắn còn xuyên sang thế kỷ XXI. Chính vì vậy mà nhân dân Bạc Liêu đã đặt tên con đường vô nhà ông là đường Cao Văn Lầu.

SỰ RA ĐỜI CỦA DẠ CỔ HOÀI LANG

Ở tuổi 23, anh thanh niên Cao Văn Lầu kết duyên cùng người đẹp Trần Thị Tấn. Dù cha mẹ còn nghèo, vẫn vay nợ để lo cho đám cưới của con được chu đáo. Sau 3 năm kết duyên mà vẫn không sinh con, người thôn nữ Trần Thị Tấn bị theo lệ "Thất xuất" - vì "Tam niên, vô tử, bất thành thê" (Ba năm không có con, không thành vợ). Theo lệ hà khắc của chế độ phong kiến thời ấy, chàng trai Cao Văn Lầu đành phải chia tay với vợ mà anh rất đỗi thương yêu. Tài tử Cao Văn Lầu, con người vốn đa tài, đa cảm, ngày đêm thương cho thân phận người vợ hiền, trách cho cảnh đời trái ngang... Bài Dạ cổ hoài lang đã ra đời trong bối cảnh éo le như vậy :

Từ là từ phu tướng
Báu kiếm sắc phán lên đàng.
Vào ra luống trông tin nhạn

Năm canh mơ màng
Em luống trông tin chàng
Ôi gan vàng thêm đau
Đường dù xa ong bướm
Xin đó đừng phụ nghĩa tào khang
Còn đêm luống trông tin bạn
Ngày mỏi mòn như đá vọng phu
Vọng phu vang luống trông tin chàng
Lòng xin chớ phũ phàng
Chàng là chàng có hay
Đêm thiếp nằm luống những sầu tây
Biết bao thuở đó đây sum vầy ?
Duyên sắt cầm đừng lợt phai
Là nguyện cho chàng
Hai chữ an bình an
Trở lại gia đàng
Cho én nhạn hiệp đôi.

Qua lời ca, người ta thấy rõ tâm trạng những người ra đi, nhắc người đừng phụ tình bạc nghĩa. Người ở lại mòn mỏi trông tin nhạn, luôn luôn mong mỏi từng phút từng giây tái ngộ, trùng phùng. Rõ ràng là vì thân phận, vì luật lệ, vì chồng mà nàng đã phải

chấp nhận sự ra đi. Người ra đi, mà lòng ở lại - đó là tâm trạng của những thiếu phụ Việt Nam những năm đầu thế kỷ XX, sống trong cảnh "chim lồng, cá chậu"...

Theo anh Cao Kiến Thiết, con trai đầu của nghệ sĩ Cao Văn Lầu, cho biết : bản Dạ cổ hoài lang ra đời năm trước thì năm sau anh chào đời. Anh Cao Kiến Thiết sinh năm 1920, như vậy là bài ca ra đời vào năm 1919. Đến mùa xuân năm Canh Thìn này, bản Dạ cổ hoài lang đã đi gần suốt thế kỷ XX để ung dung bước vào thế kỷ XXI. Thật quý giá và đáng trân trọng biết nhường nào người đã sinh ra nó tài hoa.

* *

*

Thay cho lời kết bài viết này, xin trích lời nhận xét của giáo sư Trần Văn Khê - người suốt đời nghiên cứu nghệ thuật âm nhạc truyền thống của dân tộc Việt : "Bài Dạ cổ hoài lang gợi lên được cái buồn bí ẩn trong thâm tâm con người Việt Nam...".

"... Trong cổ nhạc Việt Nam chưa có bài nào, bản nào được như bài Dạ cổ hoài lang biến thành

Vọng cổ. Từ một sáng tác cá nhân đã biến thành một sáng tác tập thể, sinh ra từ đầu thế kỷ, lớn lên, sống mạnh, biến hóa thiên hình vạn trạng, mà sẽ còn sống mãi trong lòng người Việt trong nước và rải rác khắp năm châu...". Giáo sư Trần Văn Khê còn nhấn mạnh thêm : "Chân phương hoa lá trong bài Vọng cổ đã được áp dụng một cách thân tình. Hoa chẳng những đẹp mà còn thơm. Lá chẳng những xanh mà còn tươi. Thành ra bản Vọng cổ có cái tươi mát, cái đẹp đẽ, cái phong phú, cái dồi dào sức sống, sức đóng góp của tất cả những người nghệ sĩ từ đứa con của Sáu Lầu sáng tạo, nuôi dưỡng cho nó lớn mạnh, đẹp đẽ...".

Chuyện chưa kể về bác Sáu Lầu

TRẦM HƯỢNG

Ông Trần Văn Sớm, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Bạc Liêu, Ủy viên Trung ương Đảng, rất tự hào về quê hương, mảnh đất đã sinh ra những người con làm rạng rỡ cho quê hương và là một trong những cái nôi ca nhạc tài tử. Đặc biệt, Bạc Liêu là nơi sản sinh ra bản "Dạ cổ hoài lang", bản nhạc đã trở thành bản vọng cổ nổi tiếng cho đến nay vẫn còn giữ vai trò trọng yếu trong nền nghệ thuật cải lương. Người sáng tác ra nó là cố nhạc sĩ Cao Văn Lầu. Tên tuổi của cố nhạc sĩ Cao Văn Lầu đã đi vào lịch sử nhưng còn có một chuyện ít ai biết. Dưới đây là câu chuyên đặc biệt về ông Sáu Lầu do ông Trần Văn Sớm kể lại

Đó là năm 1947, do nắm được một số quy luật hoạt động của ta, bọn Pháp thường tổ chức vây ráp, bắt cóc cán bộ. Nhiều cán bộ ưu tú của ta rơi vào tay giặc. Trong số đó có đồng chí Phan Văn Nhờ (sau này trở thành anh hùng lực lượng vũ trang do hoàn thành xuất sắc công tác vận tải vũ khí dọc theo đường mòn Hồ Chí Minh vào Nam); Trang Văn Tỷ trong BCH cộng hòa vệ binh (sau trở thành Mặt trận miền Tây Nam bộ thời chống Mỹ); Nguyễn Chánh Bình - cán bộ Mặt trận Việt Minh quận Giá Rai (sau phụ trách giao thông liên lạc Khu ủy khu 9) ; Lê Dĩ - Huyện đội Giá Rai (sau trở thành cán bộ tổ chức Khu ủy Nam bộ). Với vai trò Bí thư Tỉnh ủy, bác Hai Sớm canh cánh nỗi lo cho số phận của các đồng chí, đồng đội. Đang lúc ấy, bác nhận được lệnh dự Hội nghị quân chính Nam bộ ở chiến khu Đồng Tháp Mười.

Nhưng ngay sáng hôm sau, giặc càn, bác Hai Sớm chạy vô Gãi Cờ Đen, gặp nhà sư Nguyễn Thiện Chiếu, vị thượng tọa từng ở tù chung với bác ngoài Côn Đảo sau khởi nghĩa Nam Kỳ thất bại. Cuộc hội ngộ bất ngờ giữa chiến khu Đồng Tháp Mười xiết bao

mừng vui, cảm động.

Ngay sau đó, sư Thiện Chiếu trở nên đăm chiêu như có điều gì đó cân nhắc. Cuối cùng ông nói :

- Tôi có thằng em rể là Đỗ Quang Huê ...

Bác Hai Sớm giật nẩy mình. Đỗ Quang Huê là Chánh án tỉnh Bạc Liêu. Một ý nghĩ vụt lóe sáng trong đầu vị Bí thư Tỉnh ủy :

- Ta có thể tranh thủ Huê được không ?

- Để làm gì ?

- Tây bắt cả 10 cán bộ của ta. Tôi chưa biết làm cách nào giải thoát cho các đồng chí ấy...

Trầm ngâm một lúc, sư Thiện Chiếu nói :

- Có thể được ...

Bác Hai Sớm mừng rỡ, nắm chặt cánh tay nhà sư :

- Được phải không, bằng cách nào ?!

Nhà sư chậm rãi nói :

- Tôi biên cho chú Hai cái thơ. Chú tìm cách gửi cho Huê. Chú cứ thử xem ...

Bác Hai Sớm cầm thư nhưng vẫn hoang mang. Nếu thật sự Huê "nhớ " kháng chiến như lời sư Thiện Chiếu nói thì mọi việc có thể tốt đẹp. Còn như ngược

lại... thì kế hoạch này cũng không ít phiêu lưu. Rất may, khi bác Hai chia tay với Thượng tọa về Bạc Liêu dự họp Tỉnh đội thì gặp Cao Kiến Thiết - con trai bác Cao Văn Lầu - hiện đang là Tỉnh đội phó Tỉnh đội Bạc Liêu.

Bác Hai sớm bàn với Ban Chỉ huy Tỉnh đội về cách Thượng tọa Thích Thiện Chiếu vận động người em rể thả một số cán bộ của ta. Cao Kiến Thiết nhíu mày suy nghĩ rồi reo lên :

- Vậy thì thuận lợi lắm. Cha tôi đang dạy đàn cho Đỗ Quang Huê. Ta có thể...

Bác Hai Sớm nói luôn :

- Vậy tôi trao lá thư của sư Thiện Chiếu gửi Huê tìm cách thả số Việt Minh vừa bị Tây bắt. Chắc chắn là chúng phải đưa số cán bộ của ta ra tòa. Huê là Chánh án có thể quyền biến. Vậy anh trao lại lá thư cho bác Sáu Lầu, nhờ bác Sáu dò xem thái độ của Huê thực sự "nhớ" kháng chiến thì bác Sáu hãy đưa thư. Còn ngược lại, thì tìm cách hủy lá thư đó.

Cao Kiến Thiết tỏ ra rất tự tin

- Anh yên tâm. Tôi tin là cha tôi biết cách...



Ông CAO VĂN LẦU
(ảnh chụp năm 1958)



Đây là ông Sáu Lầu với chiếc đàn Nhị (Cò) đờn bản "Dạ cổ" tại rạp Quốc Thanh hôm thứ bảy 16/11/63

Ảnh : T.L



Nhạc sĩ Sáu Lầu ngỏ lời trước ký giả, nhạc sĩ Sài Gòn - năm 1973. Ảnh : T.L



* Cô Kim Sang trình bày bản Dạ cổ hoài lang. Nhạc sĩ Sáu Lầu ngồi bên cạnh lắng nghe không ngăn được giọt nước mắt. Nghệ sĩ Chín Trích, Ba Dư ở phía sau



* Nhạc sĩ Sáu Lầu (số 1), nghệ sĩ Năm Châu (số 2) ngồi giữa những ký giả, nhạc sĩ, ca sĩ mầm non ở Sài Gòn trước khi kết thúc cuộc họp mặt.

Ảnh Tấn Linh

Ngày 25/4/1989 ngày lịch sử đẹp đẽ của bài Vọng cổ được Nhà nước và tập thể tuyên dương công trạng



Nghệ sĩ lão thành Bảy Cao, người học trò ruột của cố nhạc sĩ Cao Văn Lầu, nhân chứng lịch sử bài Dạ cổ hoài lang, cám ơn Hội thảo và kể lại nhiều sự kiện lịch sử quí báu về nghệ sĩ Cao Văn Lầu. Ảnh : T.L



Ông Cao Kiến Thiết - con trưởng nam của nghệ sĩ Cao Văn Lầu (sinh ra sau bài Dạ cổ hoài lang một năm, có người gọi Dạ cổ hoài lang là con đầu lòng của nghệ sĩ Cao Văn Lầu) kể chuyện và cám ơn Hội thảo. Ảnh : T.L



Các nghệ sĩ dự lễ kỷ niệm 80 năm ra đời bản Dạ cổ hoài lang.
Ảnh : Trần Văn Mứng



Khách du lịch đến khu mộ Cao Văn Lầu. Ảnh : TL

Đêm ấy, tại nhà Đỗ Quang Huê, bác Sáu Lầu lắng nghe tiếng đàn của ngài Chánh án. Bài vọng cổ "Dạ cổ hoài lang" mà bác viết ra thấm trong từng mạch máu, chỉ cần sai một nhịp cũng đủ làm lòng bác quặn đau. Khi viết bài hát ấy, bác Sáu Lầu mới ở tuổi 28 nhưng những cơ cực ngang trái cuộc đời đã từng nếm trải. Mới tí tuổi đầu, cậu bé có tâm hồn đa cảm đã phải sớm lìa bỏ mảnh đất "cù lao Năm Thôn", nơi chôn nhau cắt rốn tha phương cầu thực. Gia đình của bác phiêu bạt xuống tận Bạc Liêu khai phá. Ai nhiều thế lực trở thành điền chủ. Dân nghèo lại tiếp tục cuộc đời tá điền. Trong lòng cậu bé đã chớm nở những cảm xúc về thân phận con người. Rồi chiến tranh thế giới lần thứ nhất bùng nổ, rất nhiều thanh niên Việt Nam bị bắt lính, làm bia đỡ đạn xứ người. Sự tàn bạo của chiến tranh đã đem lại biết bao nỗi đau khổ cho những người vợ, người mẹ... Bao nỗi đau riêng và chung trộn lẫn, bác Sáu đã mượn tiếng đàn, bài hát nói lên nỗi lòng mình.

Đêm ấy, vừa dứt bài "Dạ cổ hoài lang", bác Sáu Lầu buông đàn, vẻ trầm tư, nghĩ ngợi... Bác Lầu bắt

gặp những giọt nước mắt đa cảm chảy trên gương mặt trông có vẻ lãnh đạm, chừng mực của Đỗ Quang Huê mỗi khi nghe bác đàn. "Tưởng chừng như mười đầu ngón tay của thầy rỏ máu. Tôi cảm nhận tiếng đàn của thầy ở bên trong...". Có lần Đỗ Quang Huê đã nói với bác như thế. Một người còn cảm được vẻ đẹp từ nỗi buồn, bác tin không hết tình người. Nhưng thời buổi nhiễu nhương này có biết bao nhiêu điều bất ngờ. Lá thư ký thác của ngài Thượng tọa trĩu nặng trong ngực bác Sáu. Càng trĩu nặng hơn, vì bác đang gánh lấy số phận của hàng chục chiến sĩ cách mạng đang nằm trong tay địch. Cuối cùng, bác Sáu Lầu tìm cách vào đề :

- Tôi nói không phải, mong ông bỏ qua cho. Nghe nói... ngài Chánh án có một người bà con đi theo kháng chiến ...

Đỗ Quang Huê giật thót người, trố mắt nhìn bác Sáu hỏi lại :

- Sao thầy lại hỏi tôi chuyện này ?

- Tôi dạy đàn cho ngài cả tháng nay, tình thân thầy trò đã có. Tôi vốn mến mộ kháng chiến. Nghe nói thân nhân ngài có người đi theo kháng chiến. Nếu

đúng vậy tôi rất mừng và tỏ lòng ngưỡng mộ ngài...

Đỗ Quang Huê nhấp một ngụm, mắt nhìn xa xôi vào ánh trăng...

- Đúng. Sư Thiện Chiếu chính là anh vợ của tôi.

- Ngài Thượng tọa là một nhà yêu nước nổi tiếng. Tôi lên xuống Bạc Liêu hoài, làm sao tiếng tăm của ngài tôi lại không biết. Tôi nghe nói ngài Thượng tọa theo Việt Minh, đang công tác tại Ủy ban Kháng chiến hành chánh Nam bộ. Còn ngài ngồi ghế Chánh án tỉnh Bạc Liêu. Liệu có ảnh hưởng gì đến ngài không ?

Đỗ Quang Huê cười buồn.

- Anh tôi theo kháng chiến là đúng đấy, thầy ạ.

- Ngài ủng hộ kháng chiến ?

Đỗ Quang Huê chợt sững người. Ngài Chánh án đăm đăm nhìn bác Sáu Lầu, vẻ khó chịu hỏi lại :

- Tại sao hôm nay thầy hỏi tôi chuyện này ?

Cuối cùng, bác nói :

- Có bức thư của Thượng tọa gửi cho ngài.

Mắt của ngài Chánh án sáng lên:

- Thư đâu ?

Bác Sáu Lầu thủng thỉnh :

- Tôi không mang sẵn. Thôi, hẹn với ngài Chánh án ngày mai...

Đỗ Quang Huê tỏ ra sốt ruột, hối thúc :

- Hiểu nhau như vầy xin thầy đừng gọi "Ngài chánh án" làm gì, khách sáo quá.

Ngày hôm sau, bác Sáu Lầu y hẹn mang thư cho Huê. Nhận ra bút tích của sư Thiện Chiếu, vẻ căng thẳng trên mặt Huê dần giãn ra. Vị Chánh án nói như reo :

- Đúng là bút tích của anh tôi !

Đọc xong lá thư, Đỗ Quang Huê ra chiều nghĩ ngợi :

- Hãy cho tôi biết tên các nạn nhân. Tôi sẵn sàng với điều kiện những người bị bắt không có chứng cứ. Chà, tôi không ngờ thầy thân với Việt Minh quá !

Từ giã Đỗ Quang Huê ra về, bác Sáu Lầu liên lạc ngay với Kiến Thiết. Con trai bác - Tỉnh đội phó Kiến Thiết - vô cùng mừng rỡ trao đổi với Bí thư Tỉnh ủy danh sách số cán bộ cần được cứu ra khỏi tay giặc. Kiến Thiết trao danh sách này cho bác Sáu Lầu để bác chuyển cho Đỗ Quang Huê. Huê xem xong, cau mày

nghĩ ngợi. Cuối cùng, ngài Chánh án nói :

- Qua nghiên cứu hồ sơ, trước mắt, tôi sẽ tìm cách thả 6 người. Tuy nhiên, việc này phải được tiến hành khéo léo. Tôi sẽ thả các vị ấy ra làm nhiều đợt để bọn Pháp không nghi ngờ...

Ngài Chánh án giữ đúng lời hứa, tìm cách thả từng đợt, tất cả được 6 cán bộ nòng cốt của lực lượng kháng chiến tỉnh Bạc Liêu. Trong số đó, sau này có người trở thành anh hùng lực lượng vũ trang, có vị trở thành cán bộ lãnh đạo của Khu ủy thời chống Mỹ.

* *

*

Bác Hai Sớm vuốt mái tóc đã điểm bạc nói : "Những đồng chí được thoát hiểm năm ấy không hề biết đến nguyên nhân sâu xa lòng tốt của vị "chánh án Bạc Liêu", càng không biết đến sự đóng góp thầm lặng của tiếng đàn bác Sáu Lầu... Và sâu xa hơn nữa là lòng yêu nước tiềm ẩn trong lòng mỗi công dân Việt Nam. Dù ở đâu, bất cứ họ là ai, nếu biết khơi dậy, lòng ái quốc sẽ bện thành sức mạnh vĩ đại, không kẻ thù cướp nước nào có thể thắng nổi.

Nhạc sĩ Cao Văn Lầu người khai sáng bản Vọng cổ

TRỌNG NGUYỄN

... Trước tiên, chúng ta hãy đến làm quen với ông Chín Giỏi - Cao Văn Giỏi thân sinh của nhạc sĩ Sáu Lầu và nghe ông kể về gia đình ông ở Long An vì sao trôi nổi xuống xứ Bạc Liêu.

Lúc ở làng Thuận Mỹ, hương chức hội tề cử ông làm hương nhạc, trông coi các ban nhạc trong làng. Ông là một anh tá điền cần cù siêng năng, ngay thẳng và trực tính.

Ngoài công việc mướn đất làm ruộng, ông còn làm mướn làm thuê, đầu tắt mặt tối mà nuôi con không đủ no.

Nhiều lần ông nhảy theo gánh hát vừa soạn tuồng, vừa đóng vai chính, kiêm luôn cái nghề nhạc

công. Khi gánh hát chuẩn bị rời khỏi làng, cũng là lúc ông Giỏi trở về nhà với vợ con.

Cuộc sống như vậy cứ kéo dài. Đói rách nghèo khổ tự dưng lại trở thành số phận, vì gần trọn đời lao động cật lực của gia đình ông mà vẫn không lành manh quần, tấm áo, cơm bữa đói, bữa no. Và, cho đến cái lửa cũng không đủ rơm để đốt chín nồi cơm cho các con ăn. Mà đâu phải chỉ riêng ông, hình như cả cái làng Thuận Mỹ này đều cùng cảnh ngộ gánh chịu mọi vất vả thiếu thốn, gánh chịu cả đòn roi, tù đày để cho mấy thằng địa chủ và hương chức hội tề cùng mấy thằng quan Tây được phép ăn sang mặc đẹp, ở nhà cao, cửa rộng.

Bây giờ chỉ còn tiếng đờn đối với ông là thiêng liêng nhất, hạnh phúc nhất. Những đêm trong các cuộc đình đám, tế lễ, người ta thấy ông tươi tỉnh, phấn chấn và trẻ ra. Dường như cái gánh nặng đói nghèo mà ông cho là số phận được trút khỏi vai ông, cái vui giả tạo đó được vá víu, chắp nối một cách gượng ép và buồn bã theo những âm thanh to nhỏ, nhặt khoan từ những ngón tay chai cứng của anh tá điền khốn khổ. Những nếp nhăn trên gương mặt ông giãn ra, xuất hiện một nụ cười hiếm thấy.

Ông đờn không hay, ông hát cũng không giỏi, nhưng nhờ hết lòng, hết dạ nên đã cảm hóa và thuyết phục được xóm làng. Bà con yêu ông và mê ban nhạc của ông là như vậy đó.

Đã nhiều lần, anh em, bạn bè rủ ông xuống miệt Bạc Liêu, Cà Mau để khai phá đất làm ruộng, bạn bè nói : "Miệt dưới đất rộng người thưa, cái xứ làm chơi mà ăn thật, chim chóc, cá mắm đầy đồng".

Lòng dạ ông thì ham muốn lắm, nhưng cái làng Thuận Mỹ này đã cột tay, bó chân ông từ khi ông mở mắt chào đời, rồi đến đời các con ông, nơi chôn nhau cắt rốn mà... Ở đây, cái vui, cái buồn được bà con san sẻ, đói no được đùm bọc. Đi xa thì yên phận, còn bạn bè, làng xóm, ban nhạc và cả gánh hát nữa họ sẽ ra sao ? Ông thở dài lắc đầu :

- Đi đâu rồi cũng vậy. Số phận mà ! Lại chịu phải cái cảnh xứ lạ quê người, lạ tình, lạ nghĩa. Đi xa kiếm được cái ăn, nhưng chắc buồn lắm. Ông lẩm nhẩm : "Cà Mau đi dễ khó về, mênh mông ruộng lúa bốn bề cá tôm".

Đùng một cái, bọn Tây Dương tràn xuống Long An, vây ráp làng Thuận Mỹ, bắt bớ, giam cầm những người chúng cho là phản loạn. Bắt phu, bắt lính, xây

làng, đắp lũy... làng lính hống hách nhiễu nhương đầy đường đầy xá. Cảnh cướp vợ, đoạt con, đánh đập diễn ra hằng bữa. Bọn chúng còn đào mồ, cuốc mả để xây dinh quận, lập nhà việc, đặt ra hàng trăm thứ thuế khắc nghiệt.

Không khí âm u, ngột ngạt. Ông Giỏi cùng bạn bè thân tín quyết định rời khỏi làng.

Rời khỏi làng không phải vì chén cơm manh áo, mà chính thái độ bất phục tùng ách thống trị của bọn thực dân Pháp.

Đoàn người ly hương, họ âm thầm tuốt mùng vào thúng, gom của cải cột chặt lại. Nói là của cải, chớ thật ra chỉ vài cái chén mẻ, hai ba cái nồi đất, một cái mùng, ít bộ quần áo cột túm, khiếu đùm như mảnh lưới.

Của cải họ còn gì nữa ? Còn, họ còn một tài sản vô cùng quý giá, vô cùng lớn lao, đó là thái độ bất hợp tác, bất khuất phục với bọn ngoại bang và tấm lòng nhân hậu, chung thủy với quê hương. Họ lưu luyến, băn khoăn... những giọt nước mắt nghẹn ngào rơi xuống theo bước chân của họ, để đánh dấu một lần đi mà không biết chừng nào trở lại.

Bình thường, con sông Hậu Giang là con sông hiền lành và thơ mộng. Bởi vậy ai đó đã nêu câu :

"Cần Thơ gạo trắng nước trong, ai đi đến đó lòng không muốn về". Câu ca dao đã gợi nên vẻ đẹp và sự trù phú đầy hấp dẫn, nghe yêu thương và dịu dàng biết mấy.

Bỗng đêm nay, cái đêm của những người khố rách, áo ôm vượt sông về phương Nam kiếm sống trong sự lo âu và ái ngại. Trời lại nổi cơn giận hờn vô lý. Sấm sét lại ra oai. Cơn mưa như định sẵn ào ào trút nước. Những lượn sóng như rình rập đâu đây, chờ đoàn ghe ra giữa sông, chúng thi nhau chồm lên cắn xé, giành giựt... cố tình dìm những kẻ xấu số xuống dòng sông không chút tiếc thương.

Trời tối đen, ngửa bàn tay không thấy, thì biết đâu là bến là bờ. Sóng gió càng ngày càng to. Chiếc ghe của ông Giỏi chở vợ và năm đứa con như chiếc lá mong manh giữa muôn trùng sóng gió.

Người giành lấy sự sống còn trong lúc này là ông Giỏi. Ông biết, chỉ cần chậm một chút, sơ suất một chút thì cả gia đình ông sẽ không còn.

Ông vội vã lao ra mũi ghe, chụp lấy cây chèo trên tay đứa con thứ hai. Ông gieo mình xuống nước, hai tay nắm chặt guốc chèo. Liệc ! liệc ! Chiếc ghe khựng lại và quay đầu chẻ vào ngọn sóng. Cậu bé Cao Văn Lầu mới lên bốn tuổi ôm chân mẹ khóc thất

thanh, trong khi bà cùng các con bà cố sức tát nước trong hãi hùng và tuyệt vọng.

Cuộc chiến đấu không cân sức ấy kéo dài gần một tiếng đồng hồ, ông Giỏi và cả gia đình ông chiến thắng.

Cho ghe vào vàm sông, ông nằm xoài người trên mũi ghe, bất động. Cậu bé Cao Văn Lầu ngất đi trong cánh tay của người mẹ. Họ, những người đi tìm lẽ sống đã thoát nạn.

Ông Giỏi che hai bàn tay trên vành môi ì hú tìm anh em trong đoàn. Tất cả chỉ còn nghe sóng gào, gió thét điên cuồng trên dòng Hậu Giang.

Mấy ngày đêm ròng rã, ghe ông Giỏi mới tới Gia Hội, tìm gặp người anh em họ. Nhà người anh em là một căn chòi ọp ẹp nằm cạnh đất nhị tỳ. Ông Giỏi phải che thêm mái trước hàng ba tạm trú.

Cái ở chưa cần, mà cái ăn là điều đáng lo, vì kiếm được hột cơm trong thời buổi này đâu phải dễ dàng.

Ông và bà cùng mấy đứa con lớn kéo nhau đi làm mướn từ hừng đông cho đến khi mặt trời chen lặn mới lục tục kéo nhau về. Vậy mà không đủ cơm ăn ngày hai bữa.

Tám, chín tháng trời không rảnh rang để che căn chòi mà ở. Cái cảnh ăn chung, ở đậu thật là phiền phức.

Mặc dù, ông đã dặn dò con cái, ăn ở kỹ lưỡng đừng làm mích lòng người anh em. Vậy mà cũng không tránh khỏi. Một hôm ông cùng gia đình đi làm về thấy quần áo, mùng chiếu bị vụt ra ngoài sân bừa bãi...

Ông biết thằng Lầu hay đứa nào trửng giỡn, phá phách gì đây ? Ông không rầy con tiếng nào. Ngồi dưới đất, hai tay ông bó gối suốt cả tiếng đồng hồ, mặc dù ông rất đói sau một ngày lao động vất vả.

Sáng hôm sau, ông cũng tuốt mùng vào thúng, dắt vợ cõng con băng đồng, lội kinh tìm xuồng có giang ra sông cái để về Xà Phiên (huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang bây giờ).

Ba, bốn ngày sau mới tới nơi, còn lúm xúm trên bờ kinh chưa biết đi đâu, thì trong nhà một số người chạy ào ra kẻ ôm ông, người ôm con ông mừng rỡ. Ông sững sờ, nước mắt tràn xuống má. Đó là những người anh em, bạn bè cùng ông trốn khỏi làng Thuận Mỹ vào một đêm nghiệt ngã trên dòng sông Hậu Giang, gió mưa, dông bão làm cho họ trôi dạt mỗi người một ngả, đến bây giờ, tám chín tháng trời bất ngờ gặp lại nhau, mừng mừng tủi tủi. Ông Giỏi nói trong nước mắt : "Mình nghèo đi đến đâu cũng bị người ta ăn hiếp và khinh khi".

Họ kéo nhau vào căn chòi nhỏ, kẻ ngồi dưới đất, người ngồi trên bộ vạt lót bằng cọng dừa nước, lâu ngày bị khô, gãy chông chênh. Họ ghé đít vào như vừa ngồi vừa đứng, kể lại cho nhau nghe nỗi buồn vui đã qua đi trong đời họ tám, chín tháng ly hương.

Tám Tân, trạc tuổi ông, sôi nổi kể lại chuyện đuổi cọp, chuyện gài bẫy bắt heo rừng, đốt rùa, đi bắt trăn hội... với giọng tự tin, ông nói : "Đất Xà Phiên ngoài làm ruộng ra, mình làm thợ săn cũng đủ nuôi sống suốt đời. Anh ở lại đây với tụi tui, đừng đi đâu hết anh Giỏi à".

Không đợi ông Giỏi trả lời, Tám Tân nắm tay ông Giỏi dẫn ra ngoài hàng ba chỉ miếng đất của ông vừa dọn cây xong, ông vui vẻ : "Trên 20 công tầm cấy. Cha con tôi làm ngày làm đêm chừng bốn, năm tháng nay thôi. Anh coi mê chưa ? Có bữa không có gạo phải ăn rắn, rùa trừ cơm. Nè, anh Giỏi, miếng đất cặp ranh tôi gò lắm. Ở đây nghen anh !

Mấy ngày sau bà con xúm lại, kẻ đốn cây, người chặt lá, dọn nền... dựng cho gia đình ông Giỏi một căn chòi rộng rãi, thoáng mát.

Hơn 40 công tầm cấy, sau gần một năm khai phá. Một tài sản mà ông chưa bao giờ dám nghĩ tới : "Đất

của mình !". Ông nói như nằm mơ khi cấy cây lúa đầu tiên xuống ruộng.

Năm đó thất. Mỗi công ba, bốn giạ. Nhưng gia đình ông thật vui vì gặt lúa ngay trên đất của mình.

Năm sau, đất nhuần hơn, mỗi công bảy, tám giạ. Trang trải nợ nần xong, gia đình có cái ăn, cái để, ông bà cùng các con đi ra chợ Hỏa Lựu mua sắm vài cái khạp đựng nước và mua vải cắt quần áo mới để ăn tết và đi đám tiệc.

Đời sống dễ thở hơn chút. Có ít thời gian rảnh rỗi, ông đi câu bẹ thơm, sửa lại cây cung đàn cò, đẽo tre gắn lại mấy cái phím đờn kìm bị mất. Và ông bắt đầu nhấn nhá, rờ rẫm trên những phím tơ bị lãng quên gần hai năm lưu lạc. Cậu con trai Sáu Lầu cầm bộ gõ giữ trường canh cho cha, cứ nhịp cóc, cóc... nghe vui tai và đầm ấm.

Đến tháng ba tháng tư, chuẩn bị vào vụ mùa, có người lạ mặt đi ghe tam bản hầu vào xóm, gom bà con lại, trình giấy, bảo : "Đất này có chủ, các người phải nộp lúa ruộng". Tất cả bà con giận tím mặt, cự cãi gần như xô xát. Bọn chúng vội vã xuống tam bản, ra khỏi xóm và hăm lại một câu : "Ngày mai, tao cho lính vô còng đầu tụi bây hết. Đồ ăn cướp".

Đêm ấy, mọi người tụm ba, tụm bảy bàn ra, tán vào chưa ngã lẽ. Ông Giỏi phân trần: "Mình là dân tứ xứ đến đây, giấy thuế thân còn không có, còn nói chi đến chuyện đi kiện đi thưa. Tứ cố vô thân mà".

Ông Giỏi không về nhà mà lội luôn ra ruộng cho đến gà gáy mới về nhà. Ở nhà đồ đạc vợ ông và các con đã cột sẵn, chờ lịnh ông. Cái xóm nhỏ của những gia đình từ Tân An xuống, sáng nay hoang vắng.

Nhờ có quen với Hương sư Chơn trong các lần đình đám tế lễ, ông cho cất một căn chòi trên đất công điền ở cuối chợ Bạc Liêu. Ngày ngày, ông Giỏi cùng vợ con theo đường mòn lội ra biển bắt cua, đốn củi về bán đổi gạo. Mấy đứa nhỏ thì đi bứt dây choại, dây mây, thắt rế, thắt gióng đem đổi nước mắm, dầu lửa.

Một hôm, ông chủ tọa chùa Vĩnh Phước (tức ông già của Tư Nguyện) sang chơi. Thấy hoàn cảnh của gia đình ông Chín Giỏi thật là khốn đốn, ông xúc động nói : "Anh chia cho tôi thằng Lầu, tôi nuôi tiếp với anh. Tôi dạy nó học kinh kệ, chữ Nho và làm công quả trong chùa. Anh nghĩ sao ?". Ông Giỏi rưng rưng nước mắt, cái nhìn xa vời và nỗi chua xót dâng trào trong lồng ngực, vì sự đói nghèo mà phải xa con khi nó chưa tròn chín tuổi. Giọng run run : "Tôi bằng lòng cho

thằng Lầu theo thầy". Tiếng nói của ông chìm đi và mất hẳn, chỉ còn tiếng nấc nghẹn ngào và những giọt nước mắt chảy tràn xuống má nhăn nhúm hằn sâu nỗi đau buồn của cả một cuộc đời ông.

Thế là, từ đó chú tiểu của chùa Vĩnh Phước lẩn quẩn trong chính điện lo lau chùi bàn Phật, châm trà, đốt nhang và nghe kinh kệ buổi sáng, chiều bên Tây môn, Đông môn, quét dọn nhà cửa, lau rửa chén bát, tưới kiểng và học chữ Nho. Tuy chưa đầy chín tuổi, cái tuổi "ăn chưa no, lo chưa tới", nhưng con nhà nghèo quen lao động và ham học, dù công việc bù đầu, bù cổ như vậy mà chú tiểu Lầu vẫn làm tròn, được tăng ni Phật tử ngợi khen và thương mến.

Ba năm ăn chay nằm đất, chú tiểu đã học thuộc làu kinh sách và hiểu biết khá về chữ Nho. Thấy con thông minh và hiếu học, ông Giỏi ngỏ lời cùng Thủ tọa chùa Vĩnh Phước đem con về cho học chữ Quốc ngữ, được Thủ tọa đồng ý.

Bốn năm cắp sách đến trường, chú tiểu của chùa Vĩnh Phước đã học xong chương trình lớp nhì. Được thầy cô xác nhận : "Trò Cao Văn Lầu đạo đức tốt, giỏi Việt văn và Pháp văn" xếp loại giỏi toàn diện, được quận chấp thuận cho miễn học phí trong học kỳ vào

lớp nhất.

Nhưng gia đình càng ngày càng lâm vào hoàn cảnh khốn đốn không phương xoay trở. Người anh thứ hai đi ở rể, chị thứ năm đi lấy chồng, ai lo phận nấy còn không đủ no trong thời buổi khó khăn này. Phần cha mẹ đã già yếu không còn đủ sức gồng gánh những chuyện nặng nhọc nữa, nên cậu bé chưa tròn 16 tuổi phải ngậm ngùi từ giã sách đèn, từ giã bạn bè, thầy cô để lăn xả vào cuộc sống, trong ánh mắt hằn sâu những nỗi lo toan, ái ngại khi phải gánh vác một trọng trách quá sức của mình.

Thế là ngày ngày không ai còn thấy cậu học sinh của Trường tiểu học Bạc Liêu cắp sách đến trường nữa, mà hừng đông, người ta thấy cậu vai quảy giỏ, tay xách móc cua đi lăm lăm về miệt biển Bạc Liêu, cho đến khi mọi nhà đã lên đèn thì cũng là lúc cậu lững thững quay về với dáng vẻ gầy yếu mệt nhọc. Nhưng cuộc đời đâu chỉ dừng lại đó, cậu lại còn đi làm mướn, làm thuê và tối nào cũng đi học đờn bên nhà thầy Nhạc Khị và học làm thợ mã với ông Chín Đại (ông già của nghệ sĩ Bảy Cao bây giờ).

Nhạc Khị là một thầy đờn khó tính, chuẩn mực, nghiêm túc, là một thầy đờn giỏi nhất vùng, nhưng lại

bị bịnh bẩm sinh, tay chân co rút và bị mù đôi mắt. Các thầy đờn và anh em tài tử thường gọi ông là "Hậu tổ cổ nhạc". Trong bốn năm, người thanh niên tên Lầu vừa làm lụng nuôi gia đình, vừa học đờn trong hoàn cảnh khó khăn, vất vả. Thời gian dành cho học đờn rất hiếm hoi. Anh dùng trí nhớ ôn tập là chính. Những ngày đi móc cua, anh dùng miệng huýt gió các chữ, các câu trong bản đờn thu thập được trong giờ thầy dạy. Vậy mà đã vươn lên đuổi kịp bạn bè, được thầy Nhạc Khị xếp vào loại học trò thông minh và giỏi nhất đám. Ông thường nói : "Thằng Lầu học ít mà hiểu nhiều, nó chịu khó, chịu khổ luyện, sau này ắt thành danh ".

Lời tiên đoán ấy quả không sai. Khi bà con nhìn anh Lầu điều khiển một ban nhạc lễ được tổ chức lớn do Hương sư Chơn chủ tọa, các thầy đờn lục tỉnh được mời đến thi thố tài năng.

Anh Lầu bình tĩnh, tự tin vừa cầm song loan chính vừa đánh trống. Ban nhạc theo sự chỉ huy của anh lúc lên, lúc xuống, to nhỏ rập ràng. Người xem hả lòng hả dạ. Lần thi thố đó, tài năng của anh đã được khẳng định qua lời biểu dương của thầy Nhạc Khị : "Thằng Lầu xứng đáng thay mặt cho thầy đi thi tài với mọi nơi mà không cần lo lắng gì cả".

Là một thanh niên đờn hay, hát giỏi, bản tính hiền lành, khiêm tốn, chẳng những được cô bác, bạn bè quý mến, mà ngay cả những cô gái cùng lứa cũng trộm nhớ thầm thương, trong đó có cô Hai Thân, con gái của thầy Nhạc Khị. Hai người đã phải lòng nhau gần hai năm mà không ai dám mở lời.

Một hôm, ông Chín Giỏi sang nhà Nhạc Khị chơi. Sau khi trà nước, chuyện vãn gần hai tiếng đồng hồ, ông Nhạc Khị mở lời trước, ông nói "Thằng Lầu sáng dạ và có chí lắm. Tôi mừng cho anh có một người con sau này thành thầy đờn vào loại giỏi". Nhấm một hớp trà, ông nói tiếp : Tôi nghe mấy đứa nhỏ xù xì, hình như nó thương con Thân. Thôi thì tôi với ông làm sui đi.

Ông Giỏi mừng khấp khởi, nói : "Nếu anh không chê tôi nghèo...".

Về nhà ông kêu vợ, con nói ngay ý định của Nhạc Khị. Bà buồn rầu, đáp : "Nhà mình nghèo làm gì có tiền để cưới vợ cho con ?".

Cuộc trao đổi đến đó là bế tắc. Tất cả cũng vì cái chữ nghèo ? Riêng Sáu Lầu, nghe mẹ mình than phiền như vậy, cậu đứt ruột, đứt gan, buồn tủi cho thân phận mình. Cậu định không gặp mặt cô Hai Thân nữa. Gặp

làm chi để nhớ, để thương, để buồn để tủi... Lòng thì định như vậy, nhưng không gặp trong bụng lại bồn chồn ray rứt.

Càng tránh nhau, càng dồn nén, tình yêu bùng cháy mãnh liệt hơn. Rồi đến một hôm, Sáu Lầu đột ngột đến xin thầy cho thôi học và nghỉ làm trong ban nhạc. Ông thầy Nhạc Khị hơi bất ngờ: "Tại sao phải nghỉ học ? Cháu có buồn gì không ?". Sáu Lầu nhìn xuống giọng ngập ngừng: "Dạ con phải đi làm mướn xa...". Nói chưa hết câu, cậu vội vã đi nhanh ra đường, chạy một mạch về nhà chun vô mùng nằm khóc.

Thời gian hơn một năm sau, Sáu Lầu tập hợp bạn bè thành lập ban nhạc, tập dượt, đờn ca và đi phục vụ các vùng lân cận, cũng để cho khuây khỏa nỗi buồn, cố quên cô Hai Thân, quên cặp mắt mỗi lần nhìn nhau nói biết bao điều âu yếm.

Dần dần do yêu cầu đòi hỏi của đông đảo bà con, ban nhạc lễ của Sáu Lầu thành ban nhạc tài tử lớn của Bạc Liêu, bao gồm những người đờn giỏi, ca hay như: Sáu Lầu đờn tranh, Mười Đờn (Mười Khói) đờn kìm, Bảy Cuội đờn đoản, Ba Chột đờn sến và tam. Nhóm ca : Bảy Kiên, Hai Lúa, Chín Cang, Năm Mỹ, thầy giáo So, Chín Quy và cô Ba Vàm Lẽo... Bài trụ cột là

Tứ Đại Oán (Bùi Kiệm thi rớt trở về) và ông Trượng Tiên Bửu... lúc đầu chỉ ngồi ca, nhưng lần lần tập ra bộ.

Về sau có hóa trang, phục trang và đạo cụ giản đơn. Nhờ sự cải tiến này mà thu hút ngày càng đông khán giả, gây được tiếng vang khắp lục tỉnh.

Ngày cô Hai Thân đi lấy chồng, ban tài tử cũng được mời đến. Sáu Lầu cứ băn khoăn mãi : Đến hay không ? Đến để làm gì ? Không đến thì coi sao được ? Dù sao, ông già của cô Hai Thân cũng là thầy dạy đờn cho mình mà ...

Còn đối với cô Hai Thân thì... nếu tính cô Hai Thân là người yêu của mình thì chưa phải, vì hai người có hẹn hò thề thốt gì đâu ? Mà nói không thì cũng không được vì gần hai ba năm thương thầm trộm nhớ, tuy không nói với nhau bằng lời, nhưng ánh mắt đã gởi cho nhau những nhớ thương thầm kín...

Có lần, cô Hai thấy áo mình rách vai, phải buông tay đờn để đập muỗi, mình thấy cô xót xa, đi ra đi vào có vẻ băn khoăn, khó chịu. Khi nghỉ xả hơi, mình cởi áo máng lên vách, giả bộ ra ngoài sân hứng mát, khi trở vào thì chiếc áo đã được vá lành.

Nếu không thương, không yêu làm sao cô có cử chỉ ấy ?... Đang suy nghĩ bâng quơ, bỗng có người vỗ

vai: "Nè Lầu, sao bây giờ chưa qua đám gả của con Hai Thân".

- Đi chớ ! Mầy qua trước đi, tao qua liền.

Ký Tấn nắm tay Sáu Lầu ngầm thông cảm ! Ký Tấn đi vài bước, còn ngoái đầu lại: "Qua nghen, tụi tao chờ !".

Xách giỏ cua qua chợ bán, đong mấy lon gạo đem về nhà nấu cơm dọn ra cho cha mẹ ăn. Rồi anh đi tắm thay đồ, bận chiếc áo có miếng vá của cô Hai Thân để tiễn cô Hai Thân đi lấy chồng, thì còn nỗi đau đứt ruột nào hơn cảnh ngộ này.

Vừa ra khỏi nhà, bà mẹ hỏi: "Bộ không ăn cơn sao con ?".

- Dạ, con không đói.

Bà mẹ kêu lên : "Trời ơi ! Từ hừng đông đến tối mò tối mịt, lội mương, lội rãnh, bắt cua, đốn củi không cơm nước gì làm sao mà chịu nổi". Nước mắt của bà rơi xuống chén cơm một cách vội vã. Còn ông Giỏi thở dài, nhìn chầm chậm vào bóng đêm, chẳng nói một câu.

Đêm xuống từ lâu. Sòng đờn ca chơi gần hết bài bản mà chẳng thấy Sáu Lầu đến. Không biết lúc đó Sáu Lầu đứng ở đâu ? Đang làm gì ? Có lẽ đang đứng âm thầm ở góc sân nào đó ở trước nhà, trong bóng tối,

nhìn đám cưới nhộn nhịp vui chơi mà đau xót cho phận mình. Đến lúc anh em đờn ca nghỉ xả hơi mới thấy Sáu Lầu bước vào ngồi lên chiếc chiếu trải giữa nhà (dành cho nhóm tài tử). Anh em, bạn bè mừng rỡ rối rít. Sáu Lầu lặng lẽ kéo dây đờn tranh về phía mình, mấy ngón tay khẩy nhẹ trên những đường dây, nhấn nhá vài chữ nghe thật buồn.

Bỗng cô Hai Thân xuất hiện đột ngột ở cửa buồng, con mắt đỏ hoe. Có lẽ cố gắng lắm cô mới nói được một câu : "Tôi tưởng anh... Sáu không đến!". Nói xong, cô hấp tấp xuống nhà sau mà tay cứ quẹt lia trên đôi mắt.

Sáu Lầu vẫn cúi xuống, hai bàn tay run run, lướt vụng về trên mấy phím tơ, âm thanh cất lên đột đột, có lẽ thay cho câu trả lời đang nghẹn ở trong lồng ngực.

Đêm nay, ban nhạc tài tử Bạc Liêu chơi thật hay, thật mùi, cây mùi nhất là cây đờn tranh của Sáu Lầu nghe đứt ruột !.

Chỉ có vậy thôi. Thương thầm nhớ trộm mà. Mối tình rất thật và ngây thơ. Mối tình đầu thường là không có ngôn ngữ, nhưng chiều sâu thì vô tận, nên đã làm cho cậu Sáu Lầu mất ăn, mất ngủ, thẫn thờ, suy tư muôn nỗi: "Đời cha của mình cũng vì nghèo và ghét

thằng Tây mới trôi nổi xuống xứ Bạc Liêu, đến đời mình cũng đói rách nghèo khổ. Và khi biết yêu thì không dám bước tới. Chỉ cần vài chục đồng bạc để cho mình và cô Hai Thân được gần nhau mà không có. Trong lúc đó, "Công tử Bạc Liêu" đốt một hơi bốn năm tờ giấy bạc hai chục đồng để làm đuốc cho bạn ông kiếm một tờ giấy năm đồng bị rớt mất.

- "Bữa nay quảy giỏ về không hả con ?" - không đợi con trả lời, cũng với âm thanh vui vẻ đó, ông Giỏi tiếp : "Buồn cái gì, chim trời cá nước mà. Vô nhà cơm nước, tắm rửa gì đi, tao với mẹ mày có chuyện vui nè".

Nghe nói chuyện vui Sáu Lầu nôn nóng muốn nghe, nên tắm rửa qua loa, rồi ngồi trên bộ vạt chờ đợi. Ông Giỏi đã sẵn sàng, giọng ông thân mật : "Tao với mẹ đi coi mắt con nhỏ trên Điền Tư Ô á. Con nhỏ cũng đẹp người, đẹp nết. Gia đình cũng nghèo như mình. Nó đang ở đợ cho Tư Ô. Mối lái xong rồi, ngày mai đi bỏ hàng rào thưa.

- Tiền đâu mà làm đám hả tía ? - Sáu Lầu băn khoăn hỏi.

- Mẹ mày đi hỏi bạc của bà Hương sư Chơn. Bà cho vay tám chục đồng, mỗi đồng là hai xu lời một ngày.

- Thấy con chưa hết băn khoăn, ông an ủi : "Kệ nó con, nợ nần lần lần mình tính. Tao với mẹ mày đã định rồi, con đừng có cãi". Nói xong, ông đứng dậy ra ngoài, còn quay lại dặn: "Cho bạn bè con hay đi, tao đi mượn khay trầu rượu để mai đi sớm".

Tám chục đồng nghe hết hồn, hết vía, một số tiền mà từ nhỏ đến lớn Sáu Lầu chưa bao giờ thấy. Làm cái gì để trả ? Đâu phải trả vốn mà còn trả lời nữa ? Một đồng hai xu lời mỗi ngày ? Đến bao giờ mới trả hết ?...

Còn vợ mình là ai ? Mặt mũi ra sao ? Tính nết thế nào ? Cha mẹ đã định rồi làm sao dám cãi ... !

Đám cưới được tiến hành suôn sẻ, vui vẻ, ăn ở cũng thuận hòa. "Vợ mình cũng đẹp người đẹp nết và làm ăn giỏi giắn... Có lẽ ông trời xui khiến hay có duyên có nợ kiếp trước, nên cho hai đàng gặp nhau thành vợ, thành chồng mà ngày cưới chưa nhìn kỹ mặt nhau, vậy mà hai đứa ý hợp tâm đồng mới lạ. Cha mẹ chồng yêu thương cưng như trứng mỏng".

Nghĩ đến đó, Sáu Lầu bật cười một mình, nhớ đến câu : "Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ, vô duyên đối diện bất tương phùng". Mình trách cô Hai Thân sao được. Chẳng có duyên mà cũng không có nợ nên "Đối diện bất tương phùng".

Lật đật đã hơn một năm, từ ngày cưới vợ đến bây giờ mà tám chục đồng của bà Hương sư Chơn vẫn chưa trả được.

Bàn tới, tính lui, không còn con đường nào khác hơn con đường làm ruộng. Có làm mới mong trả được nợ. Ông Giỏi quyết định đem vợ con xuống Họng Chàng Bè (xã Định Thành, huyện Giá Rai bây giờ) để phá đất làm ruộng.

Chuẩn bị ngày xuống lúa, phải làm mâm cơm để cúng thần rừng. Đêm ấy, bà Giỏi thức sớm bắc nước làm gà. Làm xong, bà đổ chảo nước sôi xuống sàn lảng ngay mình con cọp đã rình sẵn. Những cây sàn lảng bị bật lên, bà Giỏi bị hất vào trong nhà, té chết giấc. Con cọp gầm lên phóng thẳng vào rừng. Bà con lối xóm hay được đốt đuốc, đánh trống, đánh mõ, dẫn chó càn rừng đến sáng.

Việc khai phá đất rừng cũng gặp nhiều điều phiền phức, nhưng được bà con giúp đỡ nên năm đó kịp cấy vụ đầu.

Ruộng nương ở đây bị nước phèn, chim chuột, nên liên tiếp hai năm bị mất mùa. Ông Giỏi phải quay về Bạc Liêu làm lại nghề cũ. Còn vợ chồng Sáu Lầu ở giữ đất trám mọi và đắp bờ. Hai vợ chồng đang làm

ngoài đồng có hai người hơ hải chạy ra cho hay :

- Anh Lầu ơi ! Có người của Hội đồng kêu anh vô hỏi chuyện.

Vào đến nơi, bà con cũng tập hợp đông đủ. Tên tằng khạo nói tý nói sửu cả giờ đồng hồ, cuối cùng hắn kết thúc : "Đất này của ông Hội, ai làm phải đóng lúa và đóng lúa phạt mỗi mẫu sáu giạ, vì cái tội tự do vô làm mà không được ông Hội cho phép".

Vợ chồng Sáu Lầu trở về chòi mình mà mặt buồn hiu. Chị vợ lục đục đi nấu cơm, còn Sáu Lầu thì nằm gác tay trên trán mà nước mắt chảy dài. Cho đến bây giờ, anh mới thấm cái nỗi đau của cha mình ngày trước khi bị giựt đất ở Xà Phiên, tội nghiệp ông già không cơm, không cháo, nằm liệt giường, liệt chiếu luôn mấy ngày. Và sau đó, ông thề không phá đất làm ruộng nữa. Anh hiểu được ý nghĩa của lời thề ấy, vì đất còn là rừng, rắn rít, cọp beo là vô chủ, khi khai phá thành khoảnh làm ruộng được một vài mùa là đất của ông này ông nọ. Người khai hoang tốn mồ hôi nước mắt, có khi cả máu nữa, cuối cùng tay trắng cũng hoàn không, nếu chống chọi, kiện thưa thì bị tù đày, đánh đập.

Càng nghĩ anh càng thương cha, thương gia đình mình cùng bà con trong cảnh ngộ. Đêm ấy, anh ngồi

trên miếng ruộng của mình cho đến sáng. Còn chị vợ thì đốt lửa quạt muỗi và khuyên lơn an ủi chồng. Chồng khóc bao nhiêu thì vợ khóc bấy nhiêu. Họ đã bí lối cùng đường.

Về đến Bạc Liêu, không dám cho cha hay, cứ trả lời lập bập, ấp a, ấp ứ... khi cha hỏi chuyện bờ nậm, đất cát. Thấy không thể giấu hoài được, anh vừa khóc vừa nói : "Tía ơi... thằng Hội đồng Trạch lấy đất mình rồi !". Ông Giỏi đứng sững người như trời trồng. Miệng ông bị giựt méo một bên, nước mắt trào ra có máu.

Bà Giỏi thất thanh kêu lên: "Chết rồi các con ơi, tía bây...". Bà chạy đến bên ông gục đầu vào vai, nức nở.

Anh đã thấy một nỗi đau cùng cực của cha anh. Toàn thân ông run lên. Nước mắt trào ra có mang theo máu, bạn bè, bà con đến chật cả sân. Cũng cái đêm hôm ấy gia đình anh chạy sáng nhà sáng cửa để kiếm thầy bà lo thuốc thang và chuẩn bị đám tang, nhưng tai họa đã đi qua, chỉ còn một nỗi đau bị cướp đất không biết đến bao giờ mới hết.

Còn vợ chồng Sáu Lầu như đôi vạc ăn đêm, chiều cơm nước xong là lo đèn rọi, bao tay, giỏ đi bắt ba khía cho đến gần sáng mới về, gánh luôn qua chợ Bạc Liêu bán. Về nhà xay lúa, giã gạo, củi đuốc, nước

nôi... công việc làm chẳng hở tay.

Gần ba năm về làm dâu cho nhà chồng, xóm làng ai cũng trầm trồ khen ngợi: "Vợ chồng Chín Giỏi thật là có phước nên mới được con dâu giỏi giắn, hiền lành, kính trên, nhường dưới, con của ai mà khéo dạy ?".

Nàng dâu làm lụng tất bật, nhanh nhẹn, thức khuya dậy sớm, ngày nào cũng như ngày nấy, không có dấu hiệu đẻ chửa gì. Cũng không thấy nó hôi cơm tanh cá, thèm chua, thèm ngọt. Bà muốn thấy như vậy để cho bà mừng, mà nó cứ trơ ra như ngỗng đực vậy. Một năm rồi, hai năm..., bà lẩm nhẩm còn mấy tháng nữa là ba năm. Nó là mối họa tuyệt tự của gia đình này, ban đầu bà còn mắng chó chửi mèo, nói xa, nói gần... riết rồi bà kêu tên tộc con dâu chửi thẳng vào mặt, đánh đập và đuổi đi. Bắt buộc phải ly dị với con bà.

Còn Sáu Lầu thì rất yêu thương vợ, không nỡ. Nhưng cũng không dám cãi lịnh của mẹ, cứ hẹn lần, hẹn lựa, tránh né... kiếm chuyện đi làm ăn xa để kéo dài thời gian chia đàn xẻ nghé.

Những ngày móc tràm lụt ở Định Thành, cực khổ mà vui vì được tự do không bị mắng chửi, đánh đập. Có dịp vợ chồng lo cho nhau cái ăn, cái mặc. Đêm đêm, chị vợ ngồi vá cho chồng manh quần tấm áo; anh

chồng ngồi đờn cho vợ nghe hết bản này đến bản khác.

Có lẽ hai ba năm ở với nhau, chỉ có những ngày này họ mới thật sự làm vợ làm chồng đúng nghĩa. Càng có được chút hạnh phúc như vậy, họ lại càng sợ nhất cái câu "Tam niên vô tử bất thành thê", không có con là cái lỗi của người đàn bà mà chế độ phong kiến đã áp đặt một cách tàn nhẫn cho họ.

Hai người biết trước cái ngày vĩnh viễn xa nhau nên còn ở bên nhau được lúc nào họ cố gắng tận dụng hết thời gian lo lắng chăm sóc cho nhau, sợ sau này không còn dịp.

Từ Bạc Liêu xuống Định Thành đi gần một ngày đường mà tin tức và những trách móc cứ dội vào thẳng căn chòi bé bỏng của đôi vợ chồng bất hạnh: "Thằng Lầu nó bị con vợ nó xỏ mũi rồi. Nó bị bùa mê thuốc lú gì á, nên cãi cha cãi mẹ. Dẫn đi đâu thì đi, đừng cho tao thấy mặt một con dâu tuyệt tự đó".

Trước sau gì vợ chồng cũng xa nhau, tính trước cho đỡ khổ đôi đàng. Sau nhiều đêm mất ngủ, nàng dâu quyết định: "Mình phải trốn đi không cho ảnh hay".

Sáng hôm sau khi chồng vô rừng móc tràm lụt, chị vợ lo cơm nước đi sau như mọi hôm. Chị lục đục xếp mấy bộ đồ rách cho vào cà vun, lấy bộ đồ lành

nhất, tốt nhất để mặc đi đường, sợ mang chài mang lưới cô bác cười bên chồng tội nghiệp.

Đồ đạc gọn gàng rồi. Quyết định rồi... nhưng khi đi thì chị đi không được. Hết nhìn cái chén, đôi đũa đến bộ vạt, cái mùng..., thứ nào cũng quen cũng mến.

Nó là của vợ chồng mình mà. Chị khóc nức nở, rồi chôn chân tại đó cho đến khi anh chồng về chị mới nhổ chân lên được, vội vã chạy ra bờ mẫu. Anh chồng biết chuyện không lành, vừa kêu tên vợ vừa chạy theo. Con chó phèn chạy theo chị bén gót, nó chạy trước chận đầu, vừa sủa vừa rên, con vật khôn ngoan này dường như cái linh cảm của nó báo cho nó biết sắp mất một người mẹ vĩnh viễn trong đời nó, nếu nó không ra sức cản ngăn bước chân của chị. Còn chị, nước mắt như mưa quỵ xuống ôm nó vào lòng hôn nó, nó mừng rỡ đập đuôi xuống đất nghe phành phạch, mặt nó ngẩng lên, hai lỗ tai dựng đứng như chờ nghe chị dặn :

- Con ở lại đây với ba con, đừng bỏ ba con một mình.

Anh chồng đuổi kịp vừa thở vừa nói: "Con chó, em còn thương nó, không đành bỏ nó. Còn anh, em không thương sao ?

Chị gục vào vai chồng, cả hai người cùng khóc,

chị nói lắp bắp trong tiếng nấc : "Má không thương tui, thôi thì anh cho tui về bên má tui, để anh kiếm vợ khác".

Anh chồng cũng nghẹn ngào, nói : "Má nói như vậy chớ má thương em lắm. Bây giờ, chưa đẻ, lần lần cũng đẻ thôi, có gì đâu mà lo".

Con chó chạy loanh quanh bên trong hai người nó rên khe khẽ hình như nó cũng khóc. Đêm ấy, anh chồng làm cá lóc, chị vợ nấu cháo. Hai người ngồi ăn mà chuyện vãn cho đến sáng.

Mấy hôm sau về Bạc Liêu, chị vợ nói với chồng "Anh về nhà trước, em ghé chợ mua cá về ăn".

Quá nửa đêm rồi mà chẳng thấy vợ về. Anh cũng biết chị không về, nhưng anh vẫn ngồi đợi.

Đêm nay là cái đêm lạ lùng nhất trong đời. Sao mà nó dài và trống trải bơ vơ, cái ngực sao mà nặng nặng như ai chồng lên một quả núi làm cho hơi thở nặng nhọc. Nước mắt thì ráo hoảnh, muốn khóc mà khóc không được. Nếu khóc được cũng nhẹ đi đôi phần. Tất cả đều ứ lại trong người, chỉ còn hơi thở là được thoát ra ngoài, nhưng mệt nhọc lắm.

Còn ý nghĩ thì nó được tự do. Nó tự do sao chép, bôi xóa và phát lại những âm thanh, vui buồn trong

đời mình, nhất là tiếng nói âm ấm, hiền lành pha chút đau buồn của vợ mình trong những ngày gần đây. Và, những giọt nước mắt trong suốt, long lanh lăn chầm chậm xuống má mỗi khi bị mẹ mình la rầy, trách mắng. Mẹ mình cũng không phải không thương nàng dâu, vì sợ gia đình tuyệt tự nên bà cố làm tình, làm tội, cốt để nàng không ở được mà thôi, chớ bà cũng bứt rứt khổ tâm lắm.

"Đêm nay em ở đâu ? Chắc về bên má ! Đêm nay, chắc em không ngủ được ? Đau xót như vầy thì còn bụng dạ nào mà nhắm được con mắt".

"Tiếng trống bên chùa Vĩnh Phước - nơi ba năm mình làm chú tiểu, nghe riết chán tai, có khi còn bực bội nữa, nhưng sao đêm nay nghe buồn quá, thê thảm quá".

"Ngày mai và cả trọn đời mình có đi bắt cua, đốn củi, hay làm bất cứ chuyện gì cũng chỉ một mình, vui buồn biết san sẻ cùng ai ?".

"Tất cả chỉ còn một mình với cây đờn cùng mấy phím tơ lạc lõng. Hình như tiếng ca của cô Ba Phấn, Hai Húa, Chín Cang và cô Ba Vàm Lẽo, của thầy Tư Thống, Năm Bụ cùng Ban tài tử Bạc Liêu văng vẳng đâu đây".

"Ôi ! Nước mắt ! Nước mắt của cha mình, trong nước mắt có máu. Hai lần bị cướp đất, ông bỏ cơm, bỏ nước, nằm liệt giường, liệt chiếu, tưởng không sống nổi. Suốt đời ông, đến đời mình không có cục đất liệng chim. Ở cái tổng Thạnh Hòa, làng Vĩnh Lợi tỉnh Bạc Liêu này có còn ai khổ hơn mình nữa không ?".

Hết đêm này sang đêm khác, những ý nghĩ cũng chỉ lẩn quẩn xào nấu lại có bấy nhiêu, vậy mà muốn rứt ra mà rứt không được, nó cứ chen nhau đến một cách lộn xộn không ngăn nắp thứ tự gì cả, thật là khốn khổ.

Biết vợ mình về ở bên bà già vợ, ở Điền Tư Ô đây mà, có xa xắc gì đâu, gần một năm rồi, nhớ đứt ruột đứt gan mà chẳng dám đi thăm, sợ cha mẹ mình buồn.

Thùng... thùng... thùng, lại cũng tiếng trống cầm canh bên chùa Vĩnh Phước vọng lại. Không biết vô tình hay cố ý cứ trêu chọc nỗi đau của mình, nó bắt buộc mình phải nghe để làm sống lại những kỷ niệm đắng cay đầy nước mắt của đôi vợ chồng nghèo, bất hạnh.

Không biết bên Điền Tư Ô có tiếng trống này không để báo tin cho nàng biết đã đến canh mấy mà

sao hai người không ngủ được. Nàng thì thành người vọng phu, còn mình thì sao chưa thành người lính trận để :

Từ là từ phu tướng
Báu kiếm sắc phán lên đàng...

Anh cứ lẩm nhẩm mấy đoạn lời mà anh vừa rồi ghi ra thành nhạc. Tìm chữ nhạc để khớp với lời ca, tìm lời ca sao cho phù hợp với chữ đờn, để đôi đàng đừng bên nào bị ép. Một việc làm thật là vất vả, công phu, phải chịu khó mày mò, tìm kiếm... làm thế nào nói cho được tâm trạng của vợ mình.

Anh nhớ trong bài "Tô Huệ Chức cẩm hồi văn" - theo điệu Nam Ai, lời lẽ ý tứ cũng tương tự hoàn cảnh của vợ chồng anh. Anh dựa vào cái tứ đó mà sáng tạo theo cách riêng của mình.

Không biết đã trải qua bao nhiêu ngày đêm viết đi, viết lại, bôi xóa, hiệu đính bằng chữ thập, bằng khoanh tròn và các mũi tên xuyên ngang, xẻ dọc trong cuốn sổ tay, trong mảnh giấy rời.

Các chữ đờn : Hò, xự, xê, xang, cống... phía dưới những chữ đờn được gạch đôi hoặc gạch chiếc tùy nhịp nhàng anh quy định. Chúng nó đứng chi chít như một rừng cây.

Phác thảo này anh mượn tiếng trống đêm của chùa Vĩnh Phước làm nhịp cầu chở những nhớ thương, mong đợi của người thiếu phụ vọng phu, nghe tiếng trống đêm nhớ chồng. Anh xoay chung quanh chủ đề người vợ hiền lành chung thủy, người chồng là một lính trận đang chiến đấu ở chiến trường xa.

Người đàn bà ấy là vợ anh đêm đêm nhớ thương đợi chờ. Người lính trận là anh đang đổ máu giành lại đất đai của Tổ quốc, trong đó có mảnh đất của cha con anh bị cướp đoạt.

Đoạn cuối, anh mong người vợ vẫn đợi chờ ngày "hợp phố hườn châu".

Bài Dạ cổ hoài lang, một tác phẩm nghệ thuật vừa mới ra đời, đứng chưa vững, đi chưa khỏe. Bạn bè có người khen, người chê chưa vừa ý chỗ này, chỗ khác.

Riêng anh, có điểm anh tiếp thu, còn có chỗ anh suy nghĩ. Công việc sửa chữa còn dở dang thì bà mẹ vợ của anh đến báo tin, bà đã đưa vợ anh xuống ở đậu nhà Chín Đại (ông già ruột nghệ sĩ Bảy Cao).

Bà vừa khóc vừa nói: "Nó nhớ mày, nó khóc hoài hà. Đêm nào cũng mớ kêu tên mày không vậy đó. Làm sao má chịu nổi. Tội nghiệp con nhỏ nó ốm

nhom, ốm nhách".

Đêm ấy, hai vợ chồng gặp nhau ở nhà ông Chín Đại. Họ khóc thật nhiều mà chẳng nói được bao nhiêu.

Quá nửa đêm, bỗng anh nhớ một món quà mình sáng tác để tặng vợ mình. Anh lấy cây đờn tranh của ông Chín Đại đờn và ca bài "Dạ cổ hoài lang" cho vợ nghe. Người vợ sụt sùi : "Người đàn bà trong bài ca của anh sao giống em quá vậy ?".

Anh phấn khởi trả lời : "Anh viết cho em mà". Chị vợ cười sung sướng mà nước mắt đầm đìa !

Hơn một tháng sau, anh đem vợ qua ở nhà dì Ba Xịu. Ở đó trẹo đường và kín đáo hơn, không sợ người ta nói tới nói lui cha mẹ hay được, khó lòng.

Sau những ngày vợ chồng sum họp, cũng là lúc bài Dạ cổ hoài lang được bạn bè yêu thương chăm sóc, trong đó có Nguyệt Chiếu và thầy Tư Thống (tức Trần Xuân Thơ) hai nhà nho yêu nước, sống ẩn trong chùa Vĩnh Mỹ, tận tình góp ý và sửa chữa.

Có lần Trần Xuân Thơ, vui miệng hỏi : Sao không đặt tên "Vọng cổ", vì chữ vọng cổ là nghe tiếng trống vọng lại không kể ngày hay đêm".

"Dạ cổ hoài lang" hay "Vọng cổ Bạc Liêu", cái

tên gọi của tác phẩm chưa nhất quán, nhưng về tiết điệu và lời ca đã làm xôn xao dư luận, nhất là trong giới tài tử Bạc Liêu.

Chưa đầy một năm tuổi (1919) bài "Dạ cổ hoài lang" đã chiếm ngay vị trí trụ cột trong các buổi biểu diễn lớn được tổ chức nhiều nơi trong tỉnh Bạc Liêu, thay cho bài "Tứ đại oán" một thời lừng lẫy.

Sau đó, gánh cải lương "Tập Ích Ban " của Tư Chơn (tức Huỳnh Thủ Trung) chủ bầu, đã kéo dài thành nhịp tư, do sáng kiến của Bảy Kiên, được Sáu Lầu đồng ý. Đứa con nghệ thuật trông nó khỏe khoắn, hồng hào, hứa hẹn một tương lai xán lạn, thì trong căn nhà của dì Ba Xịu - người vợ đã chịu nhiều đau khổ báo tin vui cho chồng : "Anh ơi ! Em... đã có thai". Niềm hy vọng mỏng manh đó đã đến bất ngờ, làm anh chồng sung sướng rơi nước mắt. Anh thì thầm "Em ơi ! Má sẽ cưng em, chúng mình sẽ sống với nhau trọn đời".

Cái tin quan trọng đó, như một luồng điện chạy đến căn nhà cô đơn và hiu quạnh của ông bà Giỏi, rồi lan nhanh đến bạn bè, anh em lối xóm. Ai nấy cũng giành nhau đến thăm và chúc mừng. Nhà của ông bà Giỏi nhộn nhịp, xôn xao, tiếng nói, tiếng cười chân tình và đầm ấm. Bà Giỏi mặt mày rạng rỡ, gặp ai cũng

khoe có một câu "Vợ thằng Lầu, nó có thai rồi. Nó thèm chua, chắc là con trai đầu lòng".

Mới được rước về sau hơn một năm xa cách, nàng dâu còn ngơ ngác, bàng hoàng trước niềm vui tưởng chừng như không bao giờ có, thì còn bụng dạ nào mà thèm chua, thèm ngọt. Nhưng khi nghe mẹ chồng vô đoán như vậy, chị lại sung sướng nhìn mẹ chồng như thầm cảm ơn lời ao ước của bà đã thay cho tấm lòng của chị.

Trong giờ phút đó và cả sau này nữa, bà Giỏi dường như không còn lụm cụm, cáu gắt, hay phiền muộn mà niềm vui đó đã thay đổi một bà Giỏi khỏe khoắn, vui vẻ, làm tất cả mọi công việc trong nhà thay cho nàng dâu. Bà trông coi cái ăn, cái ngủ, đi đứng của nàng dâu một cách kỹ lưỡng. Lúc này, thấy nàng dâu bước ra đường, bà cất tiếng dặn dò : đi chầm chậm vậy con. Coi chừng cái mương trước sân đó. Sao bữa nay con ăn cơm ít vậy ? Trong mình con có sao không ?"...

Đêm đêm, bà lắng nghe hơi thở hoặc tiếng trở mình của nàng dâu. Bất cứ ở canh mấy bà cũng lên tiếng hỏi ngay khi bà cảm thấy không yên tâm : "Bộ ngủ không được hả con ? "Có đói bụng không ?". Dường như lúc nào bà cũng có mặt bên nàng dâu cho

đến ngày sinh nở.

Cái hôm nàng dâu chuyển bụng, bà đốt nhang khẩn nguyện đủ bốn phương tám hướng mong cho mẹ tròn con vuông, cho đến khi đứa trẻ cất tiếng khóc chào đời, bà mẹ hỏi ngay : "Con trai hay con gái ?". "Hoàng nam" - tiếng của chị mụ vui vẻ báo tin. Bà Giỏi hả lòng hả dạ, vui mừng đến trào nước mắt.

Ngày đầy tháng, bạn bè đem gạo, nếp, gà vịt, cá mắm... làm một bữa tiệc thật xôm. Bà Giỏi ẵm cháu ra khoe : "Cục cưng của thằng Lầu đó. Ông nội nó đặt tên là Cao Kiến Thiết. Bà con lối xóm cùng bạn bè vỗ tay cười vui vẻ. Đêm ấy, Ban tài tử đờn ca sáng đêm. Bài "Dạ cổ hoài lang" được đem ra bình phẩm sôi nổi và tái diễn cả chục lần.

Ông Mười Đờn (tức Mười Khói) - thầy đờn nổi tiếng ở Bạc Liêu, vui miệng pha trò một câu : "Con của thầy đờn, nó chờ ba nó viết một bản nhạc nó mới chịu ra đời". Ai nấy cũng vỗ tay tán thưởng, cho rằng lời nói của Mười Đờn là đúng.

Rồi sau đó cứ hai ba năm, nàng dâu cho ra đời một cô hoặc một cậu. Cả thảy là bảy đứa con, năm trai, hai gái. Ông bà Giỏi mãn nguyện và yên lòng nhắm mắt.

Hãy giữ lấy giá trị bản Vọng cổ

CÔNG THÀNH (Nghệ sĩ ưu tú)

Có một thời, bản vọng cổ đã bị quy kết là bi lụy, là vong quốc (!). Thời ấy đã qua, giờ đây ai cũng biết cái gốc của bản vọng cổ là bài ca Dạ cổ hoài lang - nhịp đôi - do cố nhạc sĩ Cao Văn Lầu (Bạc Liêu viết vào khoảng năm 1917- 1918, cấu trúc cả nhạc và lời rất mộc mạc, giản đơn như một điệu về dân gian của miền quê Nam bộ : Hò là xang xê cống. Líu cống líu xang, xê xang... (Từ là từ phu tướng, bửu kiếm sắc phong lên đàng...). Bài Dạ cổ nhịp tư được các thầy tuồng đưa lên sân khấu cải lương, góp mặt với các bài Hành vân, Tứ đại oán đã từng nổi tiếng từ trước.

Do sự phát triển đa dạng của sân khấu cải lương, dần về sau, bài vọng cổ được đổi thành Vọng cổ hoài

lang, rồi vọng cổ, tăng từ nhịp 2 lên 4, lên 8 rồi 16, 32 và hiện nay cũng có người ca nhịp 64.

Nhưng phải nói rằng, bản vọng cổ bắt đầu được nổi lên là từ cuối thời kỳ nhịp 8 sắp bước sang nhịp 16 (khoảng 1935 - 1936). Thời kỳ đó, nhiều nghệ sĩ cũng được nổi tiếng qua bài vọng cổ thu trên các đĩa hát xuất bản tại Sài Gòn. Và từ nhịp 16 trở đi (khoảng 1944 - 1945), là thời kỳ bản vọng cổ thịnh hành nhất trong ca nhạc tài tử cũng như trên sân khấu cải lương.

Đến nay, bản vọng cổ vẫn tồn tại, phát triển và không những nó chỉ phổ biến ở đất Nam bộ, mà đã từ lâu, khắp mọi nơi trên đất nước, nhiều người đều nhận biết và thích nghe ca vọng cổ.

Một bài ca mà được sống lâu dài và phổ cập như vậy, đó là điều đáng quý. Vọng cổ không chỉ có than thở khát vọng về tình yêu, mà nó còn đáp ứng cho nhiều loại cảm xúc khác như: gây ý chí căm thù, gợi dậy lòng yêu thương, dạy răn về đạo đức, thậm chí chế giễu, mỉa mai, đả kích vào những thói hư tật xấu ở đời...

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, giọng ca vọng cổ của nhiều nghệ sĩ cách mạng đã vang dậy từ trên các làn sóng phát thanh, từ trong

chiến khu rừng thẳm, giữa mặt trận, dọc theo các binh trạm trên đường Trường Sơn và tiếng ca vọng cổ cũng đã nhiều lần bay xa để giục giã lòng nhớ nước, thương nòi của kiều bào hải ngoại...

Và cũng lừ lâu, bản vọng cổ đã trở thành hạt nhân trong cụm bài bản cải lương. Tất nhiên, cũng có lúc, có nơi người ta lợi dụng quá nhiều về bản vọng cổ, người ta tìm đủ mọi trò để tạo sự hấp dẫn bên ngoài, trau chuốt cho bóng bẩy về hình thức diễn tấu của một bài ca đơn thuần, mất đi phần chiều sâu của tình cảm, làm cho bản vọng cổ không còn thuần chất, khiến nhiều người dễ nghe nhàm chán bởi không còn rung động.

Tương lai bản vọng cổ sẽ đi đến đâu chưa ai dám khẳng định. Nhưng nó tồn tại và phát triển đến ngày nay là nhờ công trình sáng tạo kể từ người đầu tiên : Cố nhạc sĩ Cao Văn Lầu và qua công sức của nhiều đời nghệ sĩ...

Hãy giữ giá trị đích thực của bản vọng cổ.

Tháng 12/1992

Công Thành (Nghệ sĩ ưu tú)

Tưởng nhớ bác Sáu Lầu

BẠCH TUYẾT (Nghệ sĩ ưu tú)

"Hùm chết để da, người ta chết để tiếng".

Câu nói này có tự bao giờ ?

Trường hợp bác Sáu Lầu, tác giả bài Dạ cổ hoài lang đã chứng minh được rằng : con người khi sống đã làm việc tốt, việc đẹp cho con người, thì khi chết, chỉ là sự chuyển đổi xác thân về vật chất, chứ cái tên, cộng với tinh thần cao đẹp mãi mãi lưu lại với đời sau.

Bài Dạ cổ hoài lang của bác Sáu Lầu nếu tách ra riêng nhạc và lời, chúng ta sẽ cảm được rằng :

Về nhạc : Tự nó đã nói được sự dằn vặt của một tâm tư u uẩn, nước không trọn nợ nước, tình chẳng trọn nợ tình, thân làm trai giữa buổi loạn ly... còn một chút tình mà cũng không vẹn vẻ !

Chữ Cống cuối câu đầu bài Dạ cổ hoài lang gợi cho người nghe cảm tưởng của một tiếng thét ngang trời đầy uất nghẹn.

Về lời: Nếu đừng bị lôi cuốn bởi dòng nhạc mà chỉ đọc lời suông, thì lời của bài Dạ cổ hoài lang cho ta thấy đó là một bài thơ với vần điệu cấu trúc khá hoàn chỉnh.

Mấy mươi năm với âm điệu bổng trầm, ai oán, vừa hùng tráng vừa bi thương, - vừa giản dị bình dân, vừa mỹ miều sang cả, tác phẩm vọng cổ kế thừa và phát triển từ Dạ cổ hoài lang, đã đi theo dòng sinh mệnh của cả dân tộc, từ mất mát đói nghèo đến hôm nay, mười tám năm sau ngày đất nước được hoàn toàn thống nhất, vẫn tiếp tục bước đi với những con người Việt Nam đang ngày đêm động viên nhau từng bước xây dựng, vá lành từng vết thương vật chất cũng như tinh thần của Tổ quốc.

Quả tình, sự phát triển kế thừa của một tác phẩm nghệ thuật như bài vọng cổ trong trường hợp này hết sức đặc biệt, nếu không muốn nói công trình này thật sự đồ sộ, hoành tráng với đầy đủ nghĩa khí ân tình.

Những người làm sân khấu hôm nay và ngày

mai, mãi mãi nhớ ơn các bậc tiền bối đã "rút ruột tằm" để lại cho hậu thế những tác phẩm đầy xúc cảm mà bài Dạ cổ hoài lang - vọng cổ là một trong những bản nhạc cổ đã đi vào và ở lại trong hàng triệu triệu trái tim của quần chúng, những người yêu thích nghệ thuật dân tộc.

Nghiên cứu, học hỏi không ngừng, thể hiện chính xác những tác phẩm đó bằng hơi thở của thời đại mình, cộng với tấm chân tình tự đáy lòng và tài năng độc đáo của mỗi người, làm cho cái đẹp thông qua tác phẩm ngày càng thấm sâu trong hồn dân tộc, đó cũng là một cách đáp ơn.

Đừng để mất đi sự truyền cảm ngọt ngào

LỆ THI (Nghệ sĩ ưu tú)

Có lẽ tất cả những người biết yêu thích cải lương đều thích sáu câu vọng cổ. Tôi cũng vậy ! Từ lúc mười tuổi đã mê cải lương qua những lần xem và nghe các bậc cô chú, anh chị như các nghệ sĩ Bảy Phùng Há, Út Trà Ôn, Tám Danh... biểu diễn.

Vì vậy, ngoài những bộ môn quen thuộc với tôi từ nhỏ như tuồng ca Huế, dân ca miền Trung... lại có thêm cải lương Nam Bộ. Vì thế, khi tập kết ra Bắc, mặc dù là người miền Trung, tôi cũng vinh dự là người đầu tiên thu vào đĩa sáu câu vọng cổ với bản Nhớ mẹ, Lòng dạ Nam Bắc của tác giả Văn Cử và Thanh Nha, bản Em bé Phú Riềng của Thanh Nha. Tất nhiên không ngọt ngào và truyền cảm theo đúng chất giọng Nam Bộ của các anh chị ở Sài Gòn được.

Theo tôi, trong ca kịch cải lương có nhiều làn

điệu phong phú: Về Bắc có Lưu thủy trường, Xuân tình, Tây Thi... Về Nam có Nam xuân, Nam ai, Trường tương tư... Về Oán có Tứ đại oán, Phụng cầu, Phụng hoàng... Nhưng nói chung, khi nói đến cải lương là người ta nghĩ ngay đến sáu câu vọng cổ, vọng cổ kế thừa Dạ cổ hoài lang, mà người cha sinh thành ra Dạ cổ hoài lang là bác Cao Văn Lầu.

Khi tôi 17 tuổi, được nghe người ta ca vọng cổ tới 20 câu, sau giảm xuống còn 12 câu, rồi 6 là hoàn thiện nhất. Mấy năm gần đây, thường chỉ ca có 4 câu là câu 1, 2 và 5 - 6, vậy mà người nghe vẫn thích. Thế mới biết vọng cổ dễ đi vào lòng người như thế nào, qua đó thấy tài năng của nghệ sĩ sáng tạo ra nó.

Cách đây hai năm, có một số nghệ sĩ trước khi ca thường nói suông hàng trăm chữ ! Khi nghe làm cho tôi hẫng mất sự thú vị như nghe các bậc cha anh trước đây đã ca. Tôi thiết nghĩ, sáng tạo là cần thiết đối với nghệ sĩ nói chung, nhưng mong rằng, chúng ta đừng để mất đi cái ý vị độc đáo, êm ả và sự truyền cảm ngọt ngào của ca vọng cổ. Bởi vì, đó là cái tâm, cái bản chất đích thực mà Nghệ sĩ Cao Văn Lầu đã gởi gắm vào bản Dạ cổ hoài lang - tiền thân của vọng cổ ngày nay. Đây cũng là bản làm tôi say mê từ thuở lên mười đến bây giờ đã ở tuổi gần bảy mươi rồi.

Tấm lòng của dân Sài Gòn đối với nhạc sĩ Cao Văn Lầu trong thập niên 1963 - 1973

KIÊN GIANG - HÀ HUY HÀ

Mùa mưa năm 1963, đoàn Thanh Minh diễn tại rạp Quốc Thanh. Khán giả vẫn đến xem đông đảo dù trời mưa tầm tã. Lúc đó, tôi là soạn giả thường trực của đoàn hát này. Sau giờ kéo màn, tôi thường ra quán đầu hẻm Quốc Thanh hoặc quán Tư Xuất (thân phụ nghệ sĩ Nam Hùng) vừa uống bia vừa mừng vở diễn ăn khách, đồng thời bàn những việc cho tuồng Tết.

Bỗng dưng tôi gặp nghệ sĩ Bảy Cao tại quán Tuyết Lan và ông tiết lộ: Nhạc sĩ Cao Văn Lầu (tức Sáu Lầu) trong cảnh nghèo đang sống với nghề đờn đám ma. Tôi rất ngạc nhiên vì sao cha đẻ bản Dạ cổ hoài lang hiện nay trở thành bản vọng cổ không được

nghệ sĩ đương thời bày tỏ lòng nhớ ơn bằng cách giúp đỡ nào đó. Ngoài đoàn Hoa Sen của Bảy Cao và đoàn Hữu Tâm của Ba Khuê, mỗi chuyến về tỉnh nhà thường ghé thăm giúp đỡ, các đoàn và nghệ sĩ nổi tiếng khác không làm được việc của hai đoàn hát trên. Ý nghĩ viết báo khơi dậy ý niệm: "Uống nước nhớ nguồn" đối với nhạc sĩ Cao Văn Lầu đã được tôi nói ra trước mặt nghệ sĩ Bảy Cao lúc đó.

- Anh làm được việc này thì hay quá !

Vừa thoáng mừng, nghệ sĩ Bảy Cao bỗng im lặng ra chiều nghĩ ngợi :

- Anh nói chơi hay nói thật ?

- Thật hay chơi gì không biết. Vài ngày nữa anh xem trang kịch trường báo Lẽ Sống thì biết. Kim Đồng Tử hay nhà văn Ngọc Linh, chủ biên trang kịch trường báo Lẽ Sống tán đồng ngay ý kiến của tôi.

Thế là hạ tuần tháng 9/1963, tôi đã viết lời kêu gọi giúp nhạc sĩ Sáu Lầu kèm theo việc trình bày cảnh sống khó khăn để thử nghiệm khán giả có hưởng ứng hay không. Đa số ký giả của các nhựt báo trung lập và có hạng tiến bộ đều hưởng ứng, ngoại trừ một số báo có xu hướng chống Cộng hoặc không thích bản vọng cổ, im hơi lặng tiếng nhưng không chống đối.

Kế đó là bài báo "Một ý niệm uống nước nhớ nguồn, hay là vấn đề cha đẻ bản vọng cổ cần được trợ giúp bằng cách nào ? Có nên thành lập phái đoàn ghi ơn nhạc sĩ Sáu Lầu ?". Bài này được đăng hai kỳ trên báo Lẽ Sống số ra ngày 10/10 và 11/10/1963.

Trong vòng hai tuần qua, nhiều đồng nghiệp đã hăng hái trong việc hưởng ứng vấn đề trợ giúp nhạc sĩ Cao Văn Lầu, cha đẻ bản Dạ cổ hoài lang, sau khi đề cập ít nhiều nguồn gốc phát sinh bản vọng cổ. Sự tán đồng nhất loại này đã gây một viễn cảnh tốt đẹp đối với nhạc sĩ Sáu Lầu, tuy chưa tạo được kết quả cụ thể về vật chất, song đã an ủi được tinh thần và làm hãnh diện cho cha đẻ của bản Dạ cổ hoài lang.

Thật ra, giới nghệ sĩ sân khấu và ca sĩ Đài phát thanh cũng đã có ý niệm uống nước nhớ nguồn trong vấn đề này, song chưa có dịp để chứng thật niềm tri ân và ngưỡng mộ người đã khai sáng vọng cổ. Có nhiều nghệ sĩ, ca sĩ chưa có dịp đến viếng thăm nhạc sĩ, sau khi đọc loạt bài của ký giả Tế Xuyên và nghe qua chương trình "Đời sống của khúc ca vọng cổ" trên Đài phát thanh Sài Gòn lúc bấy giờ, đã xúc động một cách chân thành. Niềm xúc động ấy cũng là biểu hiện của đức tánh trung hậu và ý thức đền đáp nghĩa ơn một

cách sâu xa.

Hướng về Bạc Liêu, chúng ta thử hình dung một mẫu người trên thất tuần, sống với nghề đờn đám ma, theo vết xe tang của thiên hạ để mưu cầu chén cơm manh áo mà thương kính người đã khai sanh bản vọng cổ hơn bao giờ hết.

Trong trường hợp nhạc sĩ Cao Văn Lầu, chúng ta có thể ví nhạc sĩ là một dũng tướng vô danh có nhiều công trạng nhưng không thừa hưởng được bổng lộc gì trong lúc tuổi đời chồng chất trên lưng.

Giới nhạc sư, nhạc sĩ và báo chí đã nhìn thấy sự thiệt thòi quá lớn lao ấy nên đã khai quật một sự thật để cho người trong giới nghệ sĩ có dịp bày tỏ ân tình.

Đến tuổi 72 rồi, nhạc sĩ Sáu Lầu mới được nhắc nhở đến công trình khai sáng bản vọng cổ và trợ giúp, kể ra ông đã thừa hưởng quyền lợi một cách muộn màng.

Chúng tôi không dùng danh từ ân huệ khi nói đến việc trợ giúp vì thương hại mà phải quan niệm rằng sự đền đáp công ơn của nhạc sĩ là một bằng chứng trang trải quyền lợi tinh thần và vật chất ngang nhau mà người cha đẻ bản vọng cổ có quyền thừa hưởng.

Trợ giúp bằng cách nào ?

Nếu có một tổ chức gần giống như Hội Nhạc sĩ cổ nhạc thì chắc chắn hẳn việc trợ giúp nhạc sĩ Sáu Lầu đã được thực hiện từ lâu.

Hội Nghệ sĩ Ái hữu tương tế chỉ hoạt động trong phạm vi tương tế nhỏ hẹp nên không thể nào đi xa hơn được.

Bây giờ chỉ có phương thức kêu gọi của báo chí cộng vào sự hưởng ứng nhiệt tình của các giới liên quan đến sân khấu mới đi đến kết quả cụ thể được.

Thành phần tích cực trong việc trợ giúp nhạc sĩ Sáu Lầu gồm nghệ sĩ của các sân khấu ca kịch, ca sĩ của các hãng dĩa, Đài Phát thanh, soạn giả, nhạc sĩ cổ nhạc, các chủ nhân của các đoàn ca kịch cải lương, các chủ hãng dĩa, các nhà phát hành dĩa hát, bài ca.

Số tiền thu được hay tặng vật có thể được gởi cho các nhựt báo có trang kịch trường. Hội Nghệ sĩ tạm thời giữ số tiền và phẩm vật ấy.

Sau đó, Hội Nghệ sĩ sẽ đề cử một đại diện phối hợp với thành phần gồm nhạc sĩ cổ nhạc lớn tuổi, một nhạc sư cổ nhạc của trường Quốc gia âm nhạc, ít nhiều đại diện giới ký giả, ca sĩ, nghệ sĩ... Phái đoàn này sẽ xuống tận Bạc Liêu để trao tặng số tiền và phẩm vật đến tận tay nhạc sĩ Sáu Lầu.

Và nếu việc trợ giúp nhạc sĩ Sáu Lầu được hưởng ứng một cách rộng rãi thì nên nghĩ ngay đến việc tổ chức một buổi hát hội với sự hiện diện của nhạc sĩ Sáu Lầu ở Sài Gòn. Nhân tiện, Ban Tổ chức sẽ giới thiệu nhạc sĩ Sáu Lầu và nhờ một số ca sĩ kỳ cựu trình bày lại bản Dạ cổ hoài lang và ít nhiều bản vọng cổ xưa...

Chúng tôi chỉ góp vài ý kiến thô thiển về sự trợ giúp nhạc sĩ Sáu Lầu không ngoài mục đích ghi ơn người đã khai sáng khúc ca vọng cổ, đồng thời tạo nên cơ hội thuận tiện để cho các giới có liên quan đến đời sống nghệ thuật của mình bày tỏ đức tánh trung hậu đối với một nhạc sĩ già đã gián tiếp dọn đường tiến thân cho những ai vay mượn bản vọng cổ từ lâu để tạo được chén cơm và danh vọng...

Không xin giấy phép, chỉ vận động với chủ rạp cho mướn sân khấu và rỉ tai với một số nhạc sĩ, nghệ sĩ nhiệt tâm, chúng tôi đã tung quả bom nổ chậm về bản Dạ cổ hoài lang vào buổi chiều 16/11/1963. Cuộc nói chuyện về bản Dạ cổ hoài làng và nguồn gốc phát triển của bản vọng cổ đã thu hút đông đảo thính giả. Kể ra chúng tôi đã làm liều, nhưng rất may không bị chính quyền lúc đó ốp lại. Sáng chủ nhật, rạp hát dành cho chương trình Đại nhạc hội. Chúng tôi đột xuất làm

chương trình về nhạc sĩ Cao Văn Lầu vào buổi chiều thứ bảy.

Đóng cửa rạp ít ai biết, vả lại, việc bắt bớ hay làm khó dễ người tổ chức chương trình nói về nhạc sĩ Cao Văn Lầu cũng không kiếm chác được gì. Do đó lính tráng cũng không buồn hỏi, trái lại còn thích nghe ca hát. Phải nhìn nhận, một số người ở Sài Gòn lúc đó dù là lính tráng, hay công an mật vụ cũng ưa thích nghệ thuật sân khấu và dễ dãi với nghệ sĩ.

Một số nhạc sư, nhạc sĩ sáng mắt và nhạc sĩ khiếm thị đã hòa tấu bản Dạ cổ hoài lang lần đầu tiên giữa Sài Gòn trước mặt nhạc sĩ Cao Văn Lầu ngồi giữa sân khấu.

Dứt bản hòa tấu, thính giả tán thưởng nồng nhiệt. Tiếng vỗ tay kéo dài thật lâu. Cha đẻ bản vọng cổ phải bước ra phía trước sân khấu, chắp tay chào cảm tạ.

Tôi ngại nhạc sĩ Cao Văn Lầu đứng lâu có thể lảo đảo nên phải đứng cạnh bên để dìu vào sân khấu.

Sự hiện diện của đông đảo nhà báo, nhạc sĩ và thính giả đã nâng cao mức độ tôn vinh một nhạc sĩ khai sáng bản vọng cổ nguyên thủy giữa Sài Gòn. Đó là một sự thật sáng giá.

Không ồ ạt rầm rộ mà ấm áp và sâu lắng, buổi nói chuyện kể trên đã tạo được tiếng vang sâu rộng ở Sài Gòn và phân nửa nước, và nhân dịp đó đã lạc quyên một số tiền được giao trọn cho nhạc sĩ Sáu Lầu, giúp nhạc sĩ trị lành bệnh mắt có vảy cá.

Mười năm sau, ngày 14/4/1973, một lần nữa nhân dân Sài Gòn cùng một số nghệ sĩ ca nhạc và sân khấu, nhà văn, ký giả, soạn giả làm hạt nhân đã tổ chức cuộc gặp mặt thân tình với nhạc sĩ Cao Văn Lầu, tại Sài Gòn, để làm lễ chúc thọ ông ở tuổi 80 và đã lạc quyên một số tiền giúp ông sửa chữa nhà.

Nhạc sĩ Út Trong cho mượn nhà (trên đường Trần Hưng Đạo, gần chợ Năng-xi) không cần xin giấy phép chánh quyền Sài Gòn. Điều này thể hiện ý chí sắt đá trước sự việc bất thường có thể xảy ra. Nhạc sĩ Út Trong còn đảm nhiệm phần minh họa bản Dạ cổ hoài lang và sự phát triển của nó qua các lối ca trữ tình được nâng lên nhịp 8, 16, 32 qua một số bài được phổ cập ở nhiều thời điểm.

Nghệ sĩ Nam Sơn cho mượn chiếc xe Traction và lái xe để đưa rước nhạc sĩ Cao Văn Lầu, không tính một khoản chi phí nào, đã thu ngắn khoảng cách con đường Bạc Liêu - Sài Gòn để trình diện cha đẻ bản Dạ

cổ hoài lang ngay tại Sài Gòn.

Anh Nam Sơn và tôi lo phần tổ chức và nội dung chúc thọ.

Tại buổi lễ, nghệ sĩ Nguyễn Thành Châu (Năm Châu), người nhiệt tình ủng hộ cuộc chúc thọ này đã kể lại quá trình hòa nhập của bản vọng cổ vào sân khấu cải lương trong thời điểm Nam kỳ khủng hoảng kinh tế và khẳng định bản vọng cổ phổ biến rộng khắp như là một bản dân ca miền Nam.

"Miền Nam đồng ruộng bao la, sông rạch chằng chịt như mạng nhện nên cuộc hành trình của bản vọng cổ cũng nương theo cánh buồm, mái chèo và từng bước khai hoang đi sâu vào các vùng hiu quạnh nhất để trở thành khúc ca tâm tình của dân ruộng rẫy. Nợ băng, nợ chà, nợ chủ điền, nạn trấn thuế thân, nạn điền binh đã làm cho người nông dân nghèo đói, cùm lưng gục xuống trong những mái nhà lá, những chòi rơm. Bản vọng cổ vừa than thân trách phận vừa tố giác ngầm mọi bất công xã hội lúc đó. Đời sống của xã hội bản vọng cổ gắn liền với tâm tình, nguyện vọng của miền Tây lúc đó càng ngày càng trở thành tiếng ca máu thịt khắp Nam kỳ lục tỉnh nên sống lâu là lẽ đương nhiên...".

Lời phát biểu trên của nhà văn Sơn Nam đã làm cho bác Sáu xúc động, vừa gật đầu vừa nhịp tay trên thành ghế.

Sau đó, bác Sáu được nghệ sĩ Năm Châu dìu bước lên sân khấu. Bác xúc động ca đủ hai mươi câu Dạ cổ hoài lang và nói lời cảm tạ những người có mặt trong buổi lễ chúc thọ.

Báo Điện Tín đã dành nguyên một trang lớn đăng hình ảnh và cuộc lễ chúc thọ nhạc sĩ Cao Văn Lầu. Trang báo đặc biệt ấy đã gây dư luận sôi nổi trong quảng đại quần chúng.

Liền đó, dược sĩ Trương Kế An gởi thư hứa trợ giúp 100.000 đồng cho bác Sáu. Ngoài ra, một người Việt ở nước ngoài đã gởi một số tiền bằng đồng quan Pháp để trợ giúp bác Sáu qua sự chuyển giao của ông Ngô Công Đức (Chủ nhiệm báo Tin Sáng, lúc ấy đi công tác ở nước ngoài). Người gởi tiền từ Paris được tạm giấu tên họ. Chúng tôi đành ôm giữ nỗi chờ đợi đến sau ngày giải phóng mới biết, người gởi tiền quan Pháp chính là đồng chí Cao Kiến Thiết, con trai đầu lòng của bác Sáu lúc bấy giờ đang làm công tác ngoại giao ở Đại sứ quán nước ta tại Matxcơva.

Từ năm 1963 đến 1973, hai cuộc nói chuyện và

cuộc lạc quyên trong ý niệm uống nước nhớ nguồn đối với nhạc sĩ Cao Văn Lầu được tổ chức trên sân khấu, tại nhà riêng hoặc được quảng bá trên các trang kịch trường của các trang báo yêu nước tiến bộ hoặc đối lập, đều thu hái kết quả tốt đẹp về tinh thần và tương đối về vật chất.

Người Sài Gòn không hề gặp và biết nhạc sĩ Sáu Lầu ở đâu, là ai, nhưng sau khi được nghe nói chuyện về bản Dạ cổ hoài lang và quá trình phát triển của bản vọng cổ, cuộc vận động lạc quyên chữa trị mắt vảy cá, sửa chữa nhà và chúc thọ, thì sự hưởng ứng đồng loạt phát xuất từ ý niệm uống nước nhớ nguồn đã khẳng định nhạc sĩ Cao Văn Lầu là người khai sáng bản Dạ cổ hoài lang.

Nhân đây, chúng tôi cũng xin nhắc lại những người, tùy ở nghề nghiệp, tài nghệ, phương tiện vật chất, đã góp phần trong hai cuộc gặp mặt và lạc quyên của những năm ấy. Đó là các báo Điện Tín, Lẽ Sống, Tia Sáng và một số báo khác. Đó là các nhà văn Sơn Nam, Ngọc Linh..., các ký giả, soạn giả : Tần Lĩnh, Tần Nguyên, Tế Xuyên, Phong Vân, Hoài Ngọc, Hoàng Sơn Việt, Xuân Triêm, Vạn Giang, Văn Bình...; các nghệ sĩ sân khấu, nhạc sĩ, ca sĩ: Nguyễn

Thành Châu (Năm Châu), Bảy Cao, Nam Sơn, Hai Biểu, Ba Dư, Út Trong, Hai Ngưu, Năm Nhỏ, Duy Trình, Út Trà Ôn, cô Ba Trà Vinh, Út Bạch Lan và một số ca sĩ trẻ của các lò cổ nhạc ở Sài Gòn.

Và thật bùi ngùi khi nhắc lại một câu nói đầy nghĩa tình của nhạc sĩ Lưu Hữu Phước bên hành lang cuộc Hội thảo Khoa học về nhạc sĩ Cao Văn Lầu và bản vọng cổ được tổ chức tại Bạc Liêu (Minh Hải) vào chiều ngày 26/4/1989 trước một đêm chia tay trở về thành phố nhân dịp đề cập đến kỷ niệm 100 năm ngày sinh nhạc sĩ Cao Văn Lầu, nhạc sĩ Lưu Hữu Phước nói: Nên làm ngay bây giờ và làm rút đi kẻo vào năm đó kẻ còn người mất không làm kịp.

Và quả thật, cách mấy tháng sau (8/6/1989), nhạc sĩ Lưu Hữu Phước qua đời.

1892 - 1992 : Một trăm năm Ngày sinh nhạc sĩ Cao Văn lầu đã đến. Nhạc sĩ Lưu Hữu Phước đã vắng bóng đời đời. Lời chân thành hay nỗi niềm ký thác đã được Long An, Minh Hải và nhiều người trong giới sáng tác, biểu diễn, nghiên cứu, nhất là nhạc sư, nhạc sĩ thực hiện qua nhiều công trình.

Cộng vào những tấm lòng tốt của nhà báo, nhạc sĩ, nghệ sĩ và thính giả Sài Gòn trong thập kỷ 1963 -

1973, một tấm lòng lớn : Tấm lòng của nhạc sĩ Lưu Hữu Phước và trí tuệ, công sức của nhiều người từ ngày sinh thứ 100 của nhạc sĩ Cao Văn Lầu và những thập kỷ kế tiếp trong thế kỷ khác sẽ nâng chiều cao mới, chiều sâu của một bản ca, dân ca của cuộc đời. Đó là vọng cổ...

... Từ nhịp tiếng trong chùa Vĩnh Phước
Nương mây bay theo âm hưởng Hành Vân
Sau thế chiến một, dân tình đỡ khổ
Người khai hoang bị cướp đoạt đất đai
Đất của dân cày về tay người không khai phá
Thêm nỗi nhà chồng vợ sắp ly tan
Nên nhạc sĩ Sáu Lầu vắt tim ra nhạc
Biến hóa ngón đờn trong năm cung bậc tuyệt luân
Đã viết lên bản Dạ cổ để lại muôn đời
Hãy cao bằng hơi thở tài tử Bạc Liêu
Dù bản đờn bài ca đổi thay bao nhiêu nhịp
Vọng cổ đi vào đời bằng tiếng hát trong tim.

Kiên Giang Hà Huy Hà

Ghe muối mắc cạn

(Hồi ký của Nghệ sĩ cải lương LÊ VĂN CAO
tự Bảy Cao, người học trò đầu tiên
của bản Dạ cổ hoài lang)

Ông Đại và ông Giác là hai người thợ mã nổi tiếng nhứt ở Hàng Cóc (Bạc Liêu) từ 70 năm trước.

Thợ Đại là thân phụ nghệ sĩ Bảy Cao (năm nay đã 78 tuổi).

Ngược thời gian nhớ thời thơ dại, nghệ sĩ Bảy Cao ngồi kể và nhắc chuyện đời xưa trước ngày kỷ niệm Nhạc sĩ Cao Văn Lầu tròn 100 tuổi.

- Anh Bảy, anh còn nhớ và buồn chớ ?

- Nhớ thì nhớ hoài. Buồn thì khôn khuây. Nhứt là trong thời điểm mà sân khấu cải lương nằm bẹp như cỏ bị phát sát gốc, nhưng mừng là bản vọng cổ còn sống đó. Ngoài nỗi nhớ buồn vẫn cứ giữ niềm vui và niềm tin dù người nghệ sĩ bạc đầu nhưng không mất gốc.

Tình cảm của nghệ sĩ và người viết có nhiều điểm tương hợp.

Tôi và nghệ sĩ Bảy Cao cùng đi về xóm Hàng Cóc...

Chùa Vĩnh Phước cách nhà tôi có năm mươi thước. Nơi đó anh Cao Văn Lầu đã làm sa di mấy năm. Tiếng trống chùa vẫn còn vang động trong ký ức. Nhà ba tôi thường thức khuya để làm đồ mã cho khách hàng. Muốn thức khuya phải có đờn ca. Thầy chùa cũng biết đờn, biết ca. Nhạc sĩ Bảy Kiên, Sư Thiện Tâm, Ký Tồn, anh Tư Thắng, Chín Càng là nhạc sĩ và ca sĩ của Hội Đờn ca ở nhà thợ mã Lê Văn Đại. Hai bản Tứ Đại Oán, Hành Vân rất được phổ cập lúc đó.

Tôi ngắt lời Nghệ sĩ Bảy Cao :

- Chưa có Vọng cổ lúc đó à ?

- Tuần tự sẽ kể tiếp.

Nghệ sĩ Bảy Cao vừa đốt điếu thuốc vừa gật gật đầu như nhịp song lang:

- Lúc đó, tôi là cậu bé bảy tuổi biết ca bản Dạ cổ hoài lang trong Hội Đờn ca ở Bạc Liêu.

- Ai dạy anh ?

- Ậy, chuyện này có liên quan đến nhạc sĩ Cao Văn Lầu. Anh từng gặp anh Sáu năm 1963, 1964 và

1973 chắc đã nghe nói tình cảnh anh Sáu lúc đó. Ngoài căn nguyên dân tình đồ khổ sau Thế chiến thứ I, những vụ cướp đất đai của người khai khẩn đã làm cho người dân lúc đó căm uất, buồn tủi.

Anh Sáu cũng là nạn nhân của thời thế thuở bấy giờ. Cộng thêm nỗi nhà chồng vợ sắp ly tan, anh Sáu đứt ruột phải tạm xa người vợ hiền vì không con đã bị cách ly và tạm trú ở mái chòi của ba tôi.

Lúc đầu, anh Sáu thỉnh thoảng nửa tháng hay hai mươi ngày mới đến thăm vợ, lần hồi nỗi niềm xa cách đã đốt cháy tim gan ảnh nên ảnh không đành bỏ chị Sáu cô đơn, gạt nước mắt, nên cứ vài ngày ảnh lại đến và ngủ ở đó.

Anh Sáu là đứa con hiếu thảo. Việc bắt buộc anh cưới vợ khác được anh hẹn lần lữa. Có lẽ đó là kế hoãn binh... chờ thời... Thật ra, ảnh còn thương đậm chị Sáu.

Hổng biết tôi nói có duy tâm không. Có lẽ giọt nước mắt của chị động lòng trời nên chẳng bao lâu sau nhiều lần đến thăm vợ như thăm bẫy thì chị Sáu ốm nghén.

Tin này được vợ chồng anh thông báo cho ba má tôi hay với niềm vui như người khát gặp mưa rào,

người đói gặp tiệc tùng.

Cũng nhờ anh Sáu đến thăm chị Sáu thường nên tôi mới có dịp được ảnh dạy ca lần đầu bản Dạ cổ hoài lang. Và, bản nhạc này được sáng tác trong bối cảnh khách quan của xã hội khủng hoảng kinh tế và tình cảnh chủ quan của tác giả : suýt ly tan.

Bản Dạ cổ hoài lang và lời ca được phổ biến thì bào thai của đứa con đầu lòng đã tượng hình. Nhờ cái bào thai đó, chị Sáu được trở về nhà chồng trước sự tiếp đón niềm nở của mọi người.

Sau đó, chị Sáu đẻ ra một vọt sáu bảy mặt con. Từ cái chái nhà ở đậu chính là phòng hoa chúc hay là điểm hẹn sau cùng của tuần trăng mật muộn, đôi vợ chồng dính như sam. Ngón đàn tranh của anh thêm mượt mà. Anh Sáu sử dụng được đờn cò, kìm nhưng ba tôi khuyên ảnh nên chuyên đờn tranh. Từ ngày chị Sáu có thai, anh Sáu thường tham dự Hội đờn ca ở nhà ba tôi. Như thế, tôi ca bản Dạ cổ hoài lang rất nhuần nhuyễn vì được anh Sáu tập dượt thuần thục.

Bà con lối xóm ở các công-xi rượu Mậu Thắng Hưng, xóm kinh Tu Muối đều kéo qua xóm Hàng Cóc để nghe đờn ca, nhất là thằng nhỏ bảy, tám tuổi ca bản Dạ cổ hoài lang.

Từ ngày bản Dạ cổ hoài lang nhập vào Hội Đờn ca thì các cuộc hội hè, đình đám ở nhà quê đều thu hút đông đảo thính giả không phân biệt tuổi tác.

Trẻ con cũng thích, người già cũng ưa. Nghe đồn ở xóm Hàng Cóc, có đứa bé bảy tám tuổi ca bản Dạ cổ hoài lang, các xóm khác dù ở chung làng hay cách làng một con sông, vài cánh đồng vẫn đến mời mọc để mở hội đờn ca. Nhờ tiền thưởng trong nhiều lần ca bản Dạ cổ hoài lang, tôi gởi mẹ tôi được vài đồng. Dù sao tôi cũng là tài tử tí hon nổi tiếng Bạc Liêu lúc đó, nên phải mặc nguyên bộ quần áo bằng thứ vải tốt hơn vải bột dền hay vải tám, mỗi lần đi ca đám ở xa, tôi đều mặc đồ mới và được người anh cõng đi như con nít nhà giàu đi học.

- Chuyện anh kể thật là kỳ thú. Đến mấy tuổi anh mới bước lên sân khấu và trở thành tài tử Bạc Liêu cùng thời với tài tử Năm Nghĩa ?

Nghe câu hỏi ấy, anh Bảy Cao nhịp tay trên đầu gối, như đắc ý điều gì, giọng trả lời êm dịu :

- Ít ai biết tôi là thầy giáo trước khi trở thành nghệ sĩ.

Chuyện này hơi dài. Hồi năm hai mươi tuổi, tôi dạy học trường làng kể như trường nhà nước, lương

tháng mười hai đồng. Khi tôi làm thầy giáo thì mẹ tôi gợi ý cưới vợ cho tôi.

Làm thầy giáo nhà nước chắc khó dư tiền cưới vợ. Nghe lời mẹ, tôi liền ra dạy tư. Đứa nghèo trả tiền học nửa đồng, đứa khá một đồng, đứa giàu một đồng rưỡi. Tổng cộng tôi kiếm được bốn mươi lăm đồng mỗi tháng.

Đến mùa khô, tôi và anh tôi cùng đi chở muối.

Anh ở miền Tây chắc biết vào mùa này, sông rạch rất cạn, nhất là nước ròng sát.

Gặp con nước ròng, ghe muối chở khẳm khác nào trâu nằm vũng. Hai anh em tôi nhảy xuống rạch, đẩy hết sức, chiếc ghe vẫn nằm ỳ.

Lúc đó, một chiếc ghe lồng bốn chèo ở phía sau lái ghe muối dừng lại :

- Ê, ghe thằng nào dám cản đầu ghe ông chủ. Tránh đường cho mau, coi chừng bị đóng trăn !

Một tá điền cũng là bạn chèo ghe lồng dựa hơi chủ giàu la lớn như vậy. Hai anh em tôi hơi ngán, liền nhảy xuống lòng lạch kê vai đẩy lấn ghe muối qua một bên.

Khi ghe lồng vừa rướn lên một vài thước thì người đứng trên ghe mặc áo dài trắng, chắc là ông

chủ, nhìn thấy cây đờn kìm thì hỏi :

- Đ.m thằng nào đờn ? Bộ tụi bây biết đờn hả ?

- Dạ biết !

Tôi vừa nói vừa đẩy ghe thì ông chủ hỏi tiếp, giọng nhẹ nhàng hơn :

- Biết đờn mà có biết ca không ?

- Dạ biết !

- Thằng nào đờn ?

- Cháu.

- Thằng nào ca ?

- Cháu.

- Thiệt hả ? Vậy thì tốt, tối nay có đám làm tuần ở nhà tao, tụi bây lên đờn ca chơi. Tao sẽ cho trâu ra đây "nẹt" ghe tụi bây. Tụi bây cứ hỏi nhà chủ Sanh.

Nghe ông chủ Sanh từ lâu nổi tiếng hào phóng, tôi cảm thấy dễ thở sau khi được ông mời mọc và chắc hẳn không bị đóng trăn như lời đe dọa của đứa dựa hơi hùm.

Chẳng bao lâu, ghe tôi tới bến nhà ông chủ nhờ trâu nẹt ghe. Khổ nỗi quần áo dính bùn đất, tôi phải tắm rửa cho sạch mới dám ra mắt.

Lần đầu tiên, thầy giáo "đi muối" được dự Hội Đờn ca ở nhà ông chủ Sanh, vốn là một điền chủ có tới

mấy ngàn công đất. Tuy ồn ào, ông ta rất vui tánh và hào phóng vì thích đờn ca.

- Anh Bảy đã ca bài vọng cổ nào lúc đó ?

- Tôi không nhớ tựa bài ca, chỉ nhớ mang máng mấy câu :

"Thà là anh ôm trọn đời mang lấy cái lưỡi lê tân khổ

Ấy để mà chi, em nào có biết cho chăng ?

Đó chẳng qua để cho em yên tâm về sống trong cảnh sang giàu".

- Mãi lo đờn ca làm sao anh đi bán muối ?

- Rủi mà may. Tôi vừa đờn ca nhiều bài bản vọng cổ từ nhịp tư lơi đến nhịp 8, theo lối tài tử Bạc Liêu, nên khán giả nói với nhau : "Cái thằng ghe muối ca rất muồi mà đờn cũng hay không thua kép hát" (lúc đó người dân chưa nói đến hai tiếng nghệ sĩ).

Riêng ông chủ điền thết đãi toàn bộ bọn tài tử một chầu cháo gà. Sau bữa tiệc cháo gà, ông chủ vỗ vai tôi :

- Muối bao nhiêu một giạ ? Có ai mua chưa ?

Tôi hơi mừng trong bụng vì đang lo phải chở củi về rừng. Hy vọng ông chủ mở hàng vài giạ, tôi liền vồn vã trả lời :

- Thưa ông chủ, một gia muối một đồng hai bán cho người ta. Ghe mắc cạn, tôi đậu tại bến lo đờn ca nên khó ai mua đâu.

- Mầy khỏi lo. Được rồi, tao cho mầy một đồng tám. Mua mão.

Tôi muốn nhảy dựng lên trời khi nghe ông chủ nói hai tiếng mua mão. Chuyến ấy, anh em tôi lời tám chục đồng thay vì ba bốn chục.

Sau khi trả tiền sòng phẳng, ông chủ còn nói :

- Mầy về chở thêm một ghe nữa cho tao.

Chèo ghe không, theo con nước lớn xuôi về bến cũ, anh em tôi cảm thấy lòng phơi phới như buồm gặp gió.

Tưởng ghe mắc cạn thì chuyến đi muối cũng mắc cạn. Nào ngờ đây là dịp phô diễn ngón đờn, giọng ca trước đám đông, vừa gây tiếng đồn tốt, vừa có tiền lời gấp đôi. Mừng nhứt là bà con lối xóm rất thích vọng cổ. Thế nào năm nay cũng ăn tết lớn.

Về tới nhà chỉ nghỉ một ngày, anh em tôi liền xuống muối. Tin rằng chuyến này ông chủ cũng mua mão nữa.

Lần thứ hai trở lại thì ông chủ đi vắng, có lẽ đi Sài Gòn. Lỡ cỡ rồi, kỳ này không mắc cạn nhưng trôi

lình bình. Cận Tết rồi, anh em tôi rất nôn nóng, gặp giá nào bán giá nấy cho hết ghe muối để về ăn Tết.

Đêm về, sông nước mênh mông, lòng buồn rười rượi. Tôi thả bộ lang thang trên bờ thì bỗng nghe văng vẳng tiếng đờn ở phía trước. Men theo tiếng đờn, tôi gặp một nhóm người đang tập đờn ca. Lúc đó, tôi mặc quần xà-lỏn, áo cụt, đi chân không giống như một tá điền đang hết lúa ruộng nên mặt may buồn hiu. Đứng bên ngoài cửa, tôi nhìn chăm chú nghe đờn, nghe ca. Bỗng dưng có một người lớn tuổi gạn hỏi :

- Mày biết đờn, biết ca không mà nhìn chăm chú quá vậy ?

- Dạ biết chớ !

- Biết đờn hay biết ca ?

- Vừa đờn vừa ca.

- Vậy thì ngon ! Vô chơi !

Như rồng lên mây, tôi liền bước mạnh qua cửa vào bên trong mượn cây đờn kìm rồi cất tiếng ca bài Ngũ hổ tướng anh hùng theo điệu Xuân tình. Không biết tôi ca có hay không mà nhóm nhạc tài tử trong nhà vỗ tay như pháo nổ. Ông chủ nhà vừa vỗ tay vừa gật đầu lia lịa :

- Có biết ca vọng cổ mới hay.

- Dạ để tôi ca thử vài câu.

Hơn lần ca Xuân tình, lần này thính giả vỗ tay quá mức.

- Ca nữa đi, ca nữa đi !

Tôi không nhớ mấy bản nhưng ca tới khuya mới ngủ. Sáng hôm sau, ông chủ nhà - chú Năm Học - là hạng trung nông nhưng cũng thích đờn ca, hỏi tôi :

- Mày có thể ở lại một ngày một đêm nữa không ?

- Thưa chú để làm gì ?

- Đờn ca nữa...

- Kẹt ghe muối.

- Được rồi, ông chủ Sanh mua của mày bao nhiêu một giạ ?

- Một đồng tám.

- Tao trả cho mày hai đồng được không ?

- Dạ bao nhiêu cũng được...

Thế là tôi đã ở lại đờn ca một đêm nữa. Chuyến này, tôi lời được một trăm đồng.

Định bụng, ông chủ này tuy không giàu bằng ông chủ Sanh nhưng chơi ngon, tôi đong muối đầy đặn hơn, chớ không đong xốp như khi bán cho mấy người cò kè bớt một thêm hai.

Lần này, tôi khỏi chèo ghe mà lại o bế cây đàn

kìm. Anh tôi chèo lái thả nổi trôi theo nước lớn, mặc dù về chậm nhưng cũng tới nhà, miễn có nhiều tiền là mẹ vui.

Góp nhóp đồng lời mấy chuyến muối, anh em tôi dành hai phần ba trao cho mẹ. Năm ấy, anh em tôi ăn Tết lớn, mỗi người may hai bộ đồ bà ba vải ú.

Cách mấy tháng sau, chú Năm Học nhắn tôi lên để lập gánh hát Thanh Niên Đồng Đức.

Tôi phân vân có nên đi dạy học hay đi hát. Tội nghiệp học trò lỡ dở nếu tôi không dạy nữa. Riêng mẹ tôi thì không thích nghề hát. Cãi mẹ thì bất hiếu ? Còn nếu không đổi nghề thì biết bao giờ theo kịp bè bạn. Mấy anh tôi thì gật đầu cho đi hát, nhưng phải tìm cách làm vui lòng mẹ.

Sau nhiều ngày đêm suy nghĩ nát ruột, tôi đã đáp lời gọi của chú Năm Học. Từ sân khấu gánh hát nghèo ở làng quê Thanh Niên Đồng Đức, tôi đã bắt đầu bước vào đường nghệ thuật.

Đến năm nay, tôi đã bảy mươi tám tuổi rồi, tóc đã pha sương, tôi rất thấm thía khi đọc bốn câu thơ :

Buông xuống màn nhung danh vọng hết
Người về lòng rũ sạch sầu thương
Người vào cởi áo lau son phấn

Trải cả vinh hoa lẫn đoạn trường.

Dù trải lắm vinh hoa, lắm đoạn trường, tôi vẫn vui thầm vì nhờ bản Dạ cổ nguyên thủy hay vọng cổ hiện nay, tôi đã trang trải được nhiều ân tình trong cuộc sống đời thường cũng như đời nghệ thuật.

Tôi không bao giờ quên ký ức về vụ ghe muối mắc cạn, tấm lòng của ông chủ Sanh, chú Năm Học và sân khấu Thanh Niên Đồng Đức...

Người viết bài này cảm thấy thích thú khi nghe lại chuyện vui buồn trong một đoạn đời của nghệ sĩ Bảy Cao.

Chiếc ghe muối mắc cạn là chuyện thật. Cây đờn kìm treo ở ghe muối đã đứt dây, long phím, nhưng nghệ sĩ Bảy Cao không quên tiếng quát tháo của người dựa hơi và tấm lòng phóng khoáng của người thích đờn ca.

Sân khấu cải lương ngày nay đang mắc cạn khi những vòi bạch tuộc của luồng văn hóa lai căng, ngoại lai đang hút dần chất ngọt mát của văn hóa dân tộc. Riêng bản vọng cổ vẫn căng buồm, từ xóm Hàng Cóc ngao du khắp sông hồ, biển rộng.

Sân khấu cải lương ví như ghe muối mắc cạn, thì vọng cổ là cánh buồm chờ gió, dù gió thuận chiều,

buồm cũng không "nẹt" nổi ghe mắc cạn.

Đang cần nước lớn cho ghe mắc cạn, đang cần gió cho cánh buồm. Kỷ niệm ngày sinh thứ 100 của nhạc sĩ Cao Văn Lầu, chúng ta, mọi người cùng lo cứu vớt sân khấu sẽ làm gì để cho sân khấu cải lương khỏi "mắc cạn" ?

Cha đẻ bản vọng cổ và sứ giả đầu tiên của bản Dạ cổ hoài lang dù đã qua đời hay còn sống những năm tháng sau cùng chắc hẳn đều mong đợi cho nước lớn đầy trên sông, cho gió nổi lên để ghe căng buồm không còn mắc cạn.

Vọng cổ nguyên thủy và vọng cổ hiện đại đang xót xa vì sân khấu cải lương đang là hình tượng chiếc ghe muối ngày nào !

(Viết theo lời kể của nghệ sĩ Bảy Cao năm 78 tuổi, bên dòng Kinh Đôi, bến Nguyễn Duy)

KIÊN GIANG
HÀ HUY HÀ

Những suy nghĩ của nghệ sĩ cải lương sáng danh với bản Vọng cổ

VŨY CHỖ

Bản vọng cổ đã trên 60 năm đi sâu vào cuộc sống tâm tình của nhân dân Nam bộ và hiện là một bản nhạc chủ đạo trong âm nhạc cải lương. Vì khi nói đến nghệ thuật cải lương hầu như không ai phủ nhận câu : nói đến cải lương phải nói đến vọng cổ, bởi điệu nhạc này gắn liền với cải lương như máu với thịt.

Bản vọng cổ rất đa dạng trong âm thanh, phong phú trong tiết tấu và với vọng cổ, người nghệ sĩ có thể diễn đạt tình cảm của mình trong nhiều tình huống : bi ai, bi hùng cũng như bi hài.

Tuy nhiên, là người nghệ sĩ bẩm sinh có chất giọng tốt, khi luyện tập kỹ thuật ca vọng cổ không chỉ

tập trung cho nghệ thuật luyến láy, tròn vành, rõ chữ, mà điều cần thiết là phải nắm vững tính tự sự của bản nhạc này kể từ lúc đó còn là Dạ cổ hoài lang. Nói như thế để chứng minh Nhạc sĩ Sáu Lầu khi sáng tác Dạ cổ hoài lang đã gởi trọn tâm tư, tình cảm của mình trong bản nhạc này mà qua quá trình phát triển thành vọng cổ, người thừa kế không thể quên được đặc nét của một bản nhạc đi sâu vào lòng người trên sáu thập kỷ qua và có lẽ sẽ tồn tại lâu đời.

Trong âm nhạc Việt Nam, có thể nói bản Vọng cổ là một bản nhạc có sức sống mãnh liệt không kém các danh phẩm của các nhạc sĩ lừng danh trên thế giới.

Để có thể đánh giá đúng mức về bản Vọng cổ, chúng tôi đã tìm gặp một số nghệ sĩ đã sáng danh với bản Vọng cổ mà qua giọng ca truyền cảm, đúng tính chất, từ bao năm qua tên tuổi vẫn được đông đảo giới yêu chuộng cải lương nhắc nhở.

ÚT TRÀ ÔN:

Chắc không ai phủ nhận bản vọng cổ đã tạo ánh hào quang cho nhiều nghệ sĩ sân khấu từ lúc niên thiếu cho đến khi tuổi cao. Trường hợp như tôi, khi đi vào sân khấu để sau đó trở thành đệ nhứt danh ca vọng cổ do một số báo chí phong tặng, thành thật mà nói là do bộ dĩa đầu tiên Tôn Tẩn giả điên. Trong bộ dĩa này, tác giả đã đưa điệu hò, nói thơ, dựng xuân vào vọng cổ mà từ trước không có, đã giúp tôi thể hiện được tính nghệ thuật trong cách ca kết hợp với chất giọng của mình, nói lên được sự phong phú của bản vọng cổ là diễn đạt được chất ai, hùng, hài mà không bản nhạc nào trong âm nhạc truyền thống miền Nam có được.

Trong bản vọng cổ, người nghệ sĩ phải nắm được chất trữ tình của nó khi ca mà qua bộ dĩa Sầu vương biên ải trên 40 năm tôi vẫn được người nghe dành cho một tình cảm đậm đà mỗi khi nhắc đến. Như thế, ngoài làn hơi thiên phú, người ca cần phải hiểu được sự truyền cảm mà bản vọng cổ dung chứa để giữ đúng sắc thái của bản nhạc này.

ÚT BẠCH LAN:

Bản Vọng cổ hiện nay có lẽ khi ca lên không ai không biết. Là người lớn lên từ Đài phát thanh, rồi qua sân khấu bằng bản vọng cổ, trước khi vững vàng trong diễn xuất, được sự thương mến của khán thính giả mấy mươi năm, tôi nghĩ rằng ca Vọng cổ không phải chỉ phô trương làn hơi của mình mà cần thiết phải nắm được cái hồn của Vọng cổ, sử dụng đài từ chuẩn xác, dẫn tình cảm người nghe đi vào nội dung lời ca.

Ca vọng cổ cần phải mới, tuy nhiên tránh phát triển pha tạp, đánh mất làn điệu độc đáo của bản nhạc hiện được nhiều người ưa thích.

THANH SANG:

Mỗi người có một phong cách ca khác nhau, với làn hơi riêng biệt, muốn tạo đặc nét cho mình và làm cho bài Vọng cổ phong phú hơn.

Từ nhịp 2 của Dạ cổ hoài lang, đã lớn dần qua nhịp 4 rồi 8, 16, 32. Vọng cổ đã mới và càng mới hơn như đã thấy. Tuy nhiên, nếu ca Vọng cổ mà không

nếm được cái cốt lõi từ Dạ cổ hoài lang của Bác Sáu Lầu, e rằng không đánh giá được từng giai đoạn chuyển hóa của nó, mà mỗi giai đoạn phát triển, có nghĩa là nốt nhạc kéo dài ra, vẫn giữ được cái hồn âm nhạc Việt.

Như vậy, bản Vọng cổ giống như sự hóa thân của kiếp ve sầu, song có khác là kiếp ve sầu thì ngắn ngủi, ngược lại, Vọng cổ vẫn tồn tại với thời gian.

LỆ THỦY :

Người ca Vọng cổ trước hết đòi hỏi chất giọng phải tốt, sau đó tới kỹ thuật. Có được hai điều này, người nghệ sĩ cần phải hiểu tường tận bản vọng cổ từ khi ra đời cho tới nay chính là bản nhạc buồn. Và khi ca, hẳn phải nói lên tiếng lòng của mình qua nội dung bản nhạc.

Với Lệ Thủy, tình cảm của mình không thể tách rời hồn bản vọng cổ.

THANH TUẤN :

Hiện có những nghệ sĩ ca vọng cổ đến mức biến dạng mà khi nghe, trong lòng cảm tưởng rằng là một ca khúc mới.

Cái tên Vọng cổ tự thân nó đã nói lên nỗi buồn xa xăm thì ngoài việc đòi hỏi làn hơi tốt, nhịp điệu vững vàng, tròn vành rõ chữ, người ca còn phải trân trọng vốn quý của dân tộc để sáng tạo không xa nguồn gốc.

Nghĩ rằng, lãnh đạo văn hóa văn nghệ nên có những buổi hội thảo về bản Vọng cổ để đánh giá, trao đổi về nghệ thuật ca của những người đi trước, nhằm giữ gìn tính chất truyền cảm cho bản nhạc.

NGỌC GIÀU :

Cần thiết phải mới, vì không mới chắc khó tồn tại. Nhưng có mới mà không giữ được hình dạng đẹp buổi đầu e rằng sẽ đi dần đến mất gốc.

Âm tính của bản vọng cổ mang tình cảm Nam bộ, chuỗi buồn chất chứa sâu đậm. Người ca vọng cổ

phải ý thức được tính chất của nó để khi tạo ra cái mới vẫn giữ được nét nhạc chân phương.

MỸ CHÂU :

Vọng cổ, mỗi câu có ba mươi hai nhịp, nghệ sĩ dễ dàng nói lên tình cảm của mình bằng giọng ca. Và đã có làn hơi truyền cảm, cũng như nghệ thuật nhã chữ nhuần nhuyễn thì không có đưa Vọng cổ đi vào lòng người.

Nắm được chiều sâu âm điệu buồn của bản vọng cổ, người ca cần sáng tạo. Cũng như trong thập niên 60, với làn hơi dài, Nghệ sĩ Minh Cảnh làm phong phú bản vọng cổ một cách mới mẻ mà vẫn giữ được tính chất của nó.

Do đó, có làn hơi dài rất quý, sử dụng đúng tình huống chắc sẽ hay hơn.

PHƯỢNG LIÊN :

Phải nói, ca Vọng cổ, ngoài việc giữ đúng tình cảm của âm điệu, còn phải tạo cho mình một nét đặc biệt bằng luyến láy những dấu huyền, dấu sắc, dấu

nặng... và những cách nhấn cao hay xuống trầm nhẹ nhàng giàu sáng tạo để cho người nghe dễ dàng nhận ra giọng ca của mình.

Do đó, ca vọng cổ, mỗi nghệ sĩ mỗi vẻ mà khi nhắc đến tên, người yêu chuộng bản Vọng cổ có thể nhớ được ngay phong cách của người nghệ sĩ ấy.

Bản Vọng cổ sống mãi

SƠN NAM (Nhà văn)

Ông Cao Văn Lầu (Sáu Lầu) thuộc về thế hệ chào đời vào cuối thế kỷ 19, bấy giờ chưa có phương tiện truyền thông tối thiểu nên quãng đời niên thiếu cũng như hoàn cảnh để gợi hứng cho việc sáng tác vẫn còn thiếu tư liệu.

Thuở bé, năng khiếu về cổ nhạc của ông lúc ở Vàm Cỏ (tỉnh Long An) thế nào, bạn bè là ai, vẫn còn là vấn đề cần nghiên cứu thêm. Chỉ biết từ khi lập gia đình, ông gặp nhiều chuyện không suôn sẻ, nhưng rồi lại khắc phục, theo luân lý cổ truyền. Hoàn cảnh sinh sống khó khăn ở nơi đất chật, người đông vùng Vàm Cỏ đã khiến ông thử làm một chuyến phiêu lưu tận

vùng đất Bạc Liêu xa xôi, mà lại chưa bao giờ ông quen biết.

"Ra đi là sự đánh liều,

Dại như con trẻ chơi diều đứt dây ".

Biết vậy nhưng vẫn cứ đi, vì đi trong lòng đất nước, để sống với cảm tình nồng hậu, gần như ruột thịt của những lưu dân đồng cảnh ngộ.

Bạc Liêu sau đệ nhứt thế chiến tuy đất còn hoang vắng, người còn thưa nhưng giới điền chủ lớn đang nuôi tham vọng làm bá chủ, qua thủ tục trưng khẩn mà người dân bình thường khó thông suốt, không đủ khả năng luồn lách vì phiền phức, tốn kém. Người khai phá đầu tiên bị mất đất vì thiếu chứng từ hợp lệ. Lại thất vọng, ảo tưởng về chốn thiên đường đất tốt chưa ai làm chủ, "dưới sông có cá, trên bờ có lúa" đã tan biến. Ông Cao Văn Lầu chỉ còn biết sanh kế với thế mạnh sẵn có là chơi cổ nhạc. Bấy giờ, văn hóa cổ truyền còn gốc rễ khá vững chắc trong dân gian. Tuy các chợ quận lỵ đã có đèn điện, dưới sông tàu chạy, trên bờ thấp thoáng bóng dáng chiếc ô tô đưa khách nhưng việc quan hôn tang tế vẫn là theo lối

xưa, cải cách chút ít. Mỗi làng, ít nhất có một ban lễ nhạc (hoặc nhạc lễ), lãnh dịch vụ trình tấu khi có việc ăn tân gia, đám cưới, tế lễ ở đình miếu hoặc đám tang.

Với tay nghề sẵn có, ông được bạn đồng điệu lưu ý. Và với tinh thần cầu tiến, ông học thêm với ông nhạc Khị, một nhạc công bực thầy ở địa phương lúc bấy giờ. Tên người được gắn liền với nghề nghiệp, dân gian quen gọi ông nhạc X, cũng như thầy giáo Y. Những buổi hòa nhạc thường xuyên mà ban lễ nhạc tổ chức lần hồi được thêm sanh khí, hấp dẫn đông đảo người đi khẩn hoang xa quê hương. Bấy giờ, phía đất xưa Tiền Giang (Vĩnh Kim) nơi đã từng tiếp cận với nhạc Huế, do Tiến sĩ Phan Hiển Đạo du nhập, đã mọc lên những ban nhạc tài tử, gây dư luận tốt đến tận Sài Gòn. Ở Vĩnh Long, Sa Đéc, Cần Thơ, Bến Tre, Gò Công, nhạc tài tử cũng rộ lên. Vài người đã thử sáng tác những bản mới, dựa vào cơ sở những bản cổ điển. Gẫm lại Lưu thủy hành vân, Tứ đại oán, Nam xuân, ai là bất hủ, nhưng chẳng lẽ hàng trăm năm nền nhạc Việt phải dừng lại tại đó !

Đặt ra bản mới chẳng lẽ là bất kính đối với tiền

nhân ? Thế là sự phát triển văn hóa, khi tiếp cận với tình hình thực tiễn được chứng minh và thể nghiệm. Vài nghệ nhân phía Tiền Giang đã sáng tác nhiều bản, phổ biến ở địa phương nhưng chẳng tồn tại được bao năm. Bài mới đặt, trình diễn nhưng vẫn có chút gì không ăn khớp, như trường hợp con diều thả lên trời cao mà chao đảo, không bắt được cơn gió lộng thường xuyên thổi lên cao. Ông Cao Văn Lầu đã thử nghiệm, trong một phút xuất thần, đã sáng tạo bản Dạ cổ hoài lang, nhịp đôi, gây tiếng vang ở địa phương và khắp vùng đồng bằng, Ông không ngờ rằng sự đột phá ấy lại gây tác động lớn. Trước tiên là đề tài, hơi nhạc. Bấy giờ, phổ biến nhất là đề tài Tô Huệ chức cẩm hồi văn. Nàng Tô Huệ có chồng là Đậu Thao (ở Trung Quốc thời xưa) có chồng đi lính thú, lâu ngày chưa thấy về. Với tài mọn, Tô Huệ dệt một bài thơ trên gấm, mỗi chữ trên mảnh gấm được bố trí theo kiểu hồi văn, để đọc vòng quanh, đọc qua lại, được nhà vua chú ý . Ông Cao Văn Lầu phải chăng nhớ nhà, nhớ quê xứ, và nếu ta suy luận xa hơn, trong tiềm thức của ông hãy còn âm ỉ tinh thần nhớ cội nguồn. Người Việt

tìm sanh kế tận phía mũi Cà Mau vẫn không quên thuở ban đầu, từ sông Hồng, sông Mã, sông Hương.

Tuồng Cải lương đã phát triển, với hai bài hát chủ lực là Tứ Đại Oán và Hành Vân. Lập đoàn hát là ngành kinh doanh để thu lợi nhuận hằng đêm. Cải lương được cải tiến khá hiện đại so với Hát Bội, thích hợp với môi trường có thể nói là tư sản hóa, hợp với thị hiếu của dân thành thị. Người Sài Gòn hâm mộ Cải lương vì nó gọn gàng, hiện thực, dễ hiểu, đáp ứng nhu cầu mỹ cảm ở mức độ cao, so với hát Bội. Lại còn tác động của khoa học kỹ thuật (cũng như trường hợp của truyền thanh, truyền hình, băng nhạc ngày nay. Người Pháp đã cho du nhập loại dĩa hát với máy hát, nhập từ châu Âu nhưng giá cũng chấp nhận được trong giới phú thương, tiểu điền chủ. Những dĩa hát đầu tiên do hãng Pathé của Pháp đưa sang, thâu âm tại Sài Gòn, đại khái ghi lại những tuồng cải lương của "Ban hát thầy Năm Tú ở Mỹ Tho". Máy hát cồng kềnh, với cái loa, chạy dây thiều (dây cót), sau thêm dĩa hiệu Béka. Máy phổ biến đến tỉnh, quận lỵ xa xôi, quy tụ nhiều thính giả. Nhờ đó, giới ca nhạc tài tử được kích thích,

thấy triển vọng truyền thông của ngành nghề mình.

Khoảng năm 1936 - 1937, cũng do người Bạc Liêu khởi xướng, đứng đầu và thành công nhứt là làn hơi của Lư Hoài Nghĩa, bản Dạ cổ hoài lang của ông Cao Văn Lầu được cải biên, thêm chất trữ tình. Thay vì mỗi lời ca theo sát từng chữ nhạc thì mở ra thêm nhịp để nghệ nhân trình diễn tha hồ luyến láy, lẫn chút giọng hò, điệu lý, miễn sao cho dứt đúng nhịp. Lối ca có kỹ thuật và có sự buông xả lãng mạn của Lư Hoài Nghĩa (Năm Nghĩa) từ Bạc Liêu đã loan truyền nhanh chóng đến các tỉnh và tận Sài Gòn, quyến rũ được cả giới trí thức. Bấy giờ, gọi vọng cổ Bạc Liêu. Có thể nói sau buổi khởi đầu mầu nhiệm của Từ phu tướng..., bản Dạ cổ hoài lang đã vượt khỏi tầm tay của ông Sáu Lầu, và sau bài Văng vẳng tiếng chuông chùa, trình diễn với làn hơi mới, bản Vọng cổ Bạc Liêu đã vượt khỏi tầm tay của Năm Nghĩa. Thêm một đóng góp về kỹ thuật sản xuất khá quan trọng đã chắp cánh cho Vọng cổ : dĩa hát lại được sản xuất tại Sài Gòn, tuy chất lượng không bền như dĩa Pathé (Pháp), Béka (Đức) nhưng khá rẻ, tạm dùng được. Đây là sự

đóng góp đáng ghi nhớ của nhà kinh doanh Ngô Văn Mạnh, chủ nhân của hãng dĩa Asia (Á châu) do đồn điền cao su Vĩnh Xương Long chế tạo. Ông Ngô Văn Mạnh, chủ một đồn điền cao su (tầm cỡ khiêm tốn so với công ty Pháp), đã nghĩ ra sáng kiến dùng cao su mà nước ta có dồi dào, để chế ra dĩa nhựa. Dĩa sản xuất đại trà, cần thay đổi đầu dĩa cũng như với máy in, nhà xuất bản cần tung ra nhiều đầu sách. Trên đĩa Asia, xuất hiện nhiều giọng ca, trong kinh tế thị trường. Mỗi ca sĩ một vẻ, mỗi nghệ nhân về kìm, tranh, cò, gáo, ghi-ta phải có ngón riêng. Giai đoạn của Tám Thưa, Bảy Cao, cô Ba Bến Tre, cô Tư Sang... trội nhứt, và sáng tạo lỗi lạc nhất có lẽ là Út Trà Ôn, với cách phân chữ luyến láy rất hữu cơ, tế nhị mà bình dị.

Từ đó, quả thật Vọng cổ đã trở thành phong trào lớn, nói theo ngôn từ ngày nay : Vọng cổ là thể loại chiếm lĩnh độc quyền trong văn nghệ quần chúng, thu hút từ anh xe kéo, thợ hớt tóc, lơ xe đò (sống căng thẳng với việc giành giựt hành khách, đôi khi phải dùng dao búa) đến thương gia ở thành thị, kỹ sư, bác sĩ y khoa, hoặc chàng công tử Bạc Liêu ngự trị trên

chiếc ô tô bóng nhoáng giữa Sài Gòn. Thế rồi Vọng cổ cứ phát triển, thêm nhịp để diễn tả theo kiểu tự do những tâm tư cá nhân hoặc kể lại vài giai thoại trong truyện Tàu kiếm hiệp.

Thời kháng Pháp, thoạt tiên có người cho Vọng cổ là ủy mị, nhưng rồi Vọng cổ lại phổ biến: không có gì mâu thuẫn trong tâm tư anh chiến sĩ bộ đội chủ lực, anh du kích sau khi thắng trận trở về dự liên hoan mà vui vẻ ca vài câu vọng cổ với điệu bộ ! Các đoàn hát cải lương phải lấy Vọng cổ làm con bài chính, đào hoặc kép đóng vai chính phải là người giỏi vọng cổ.

Tại sao Vọng cổ sống mãi, phát triển mãi với làn điệu trữ tình ? Nó đã thay thế những điệu hò cấy, hò của ghe thương hồ và đã giết chết các điệu hò ? Phải chăng, vì nó đã tiếp thu cái cốt lõi của hầu hết các điệu dân ca. Người ca Vọng cổ giỏi có thể là hò, hát khá hay, trong khi người hò hát giỏi phải tập luyện thêm để trở thành người ca Vọng cổ có trình độ.

Dầu muốn giải thích như thế nào chăng nữa, ta cũng nhìn nhận Vọng cổ là điệu trữ tình, giãi bày tâm sự không thể hợp xướng Vọng cổ ; nhạc Vọng cổ thì có

thể hòa tấu, xem như hỗn loạn nhưng tuân thủ nhịp điệu. Đây là bản "dân ca cao cấp" đáng được nghiên cứu để tìm hiểu tâm trạng con người Nam Bộ, biến đổi qua thời gian khá dài, với bao biến cố. Gẫm lại, chẳng có gì để phân tích dài dòng ! Nó giống như vài thể loại dân ca ở đồng bằng sông Hồng, sông Hương núi Ngự (tôi phỏng đoán như vậy).

Nông dân là kẻ sáng tạo ra văn hóa, vài nhà nghiên cứu dân tộc học khẳng định như vậy, thì đây, Vọng cổ là một sáng tạo vượt thời gian của nông dân Việt Nam.

MỤC LỤC

	Trang
1. Tiểu sử Ông CAO VĂN LẦU - tác giả bản Dạ cổ hoài lang	5
2. Tác giả bài Dạ cổ hoài lang	8
3. Chuyện chưa kể về bác Sáu Lầu	13
4. Nhạc sĩ Cao Văn Lầu - người khai sáng bản vọng cổ	22
5. Hãy giữ lấy giá trị bản vọng cổ	57
6. Tưởng nhớ bác Sáu Lầu	60
7. Đừng để mất đi sự truyền cảm ngọt ngào	63
8. Tấm lòng của dân Sài Gòn đối với nhạc sĩ Cao Văn Lầu trong thập niên 1963 - 1973	65
9. Ghe muối mắc cạn	78
10. Những suy nghĩ của nghệ sĩ cải lương sáng danh với bản Vọng cổ	92
11. Bản vọng cổ sống mãi	100

Chịu trách nhiệm tái bản :
Sở Thương mại Du lịch Bạc Liêu

Biên tập : **Trọng Nguyễn**
Nguyễn Văn Thanh
Sửa bản in : **Thanh Chí**
Trình bày : **Đỗ Điều**

---

* In 2.500 cuốn, khổ 13 x 19cm, tại CTy Cổ phần DV in Trần Ngọc Hy Cà Mau
Giấy phép số 55/GPXB ngày 20 tháng 12 năm 2005 của Sở Văn hóa - Thông tin Bạc Liêu
In xong và nộp lưu chiểu tháng 1 năm 2006



Út Trà Ôn



Út Bạch Lan



Ngọc Giàu

Ảnh : T.L



Thanh Sang trong vai Lục Tốn



Phượng Liên



Mỹ Châu



Lệ Thủy



Thanh Tuấn. Ảnh : Hồng Nga